



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CẨM NANG TRUYỀN THÔNG VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH



Các bạn độc giả thân mến,

Trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) xin được trân trọng gửi tới Quý độc giả cuốn sách “Cẩm nang truyền thông - Vận động chính sách” Tài liệu nhằm hướng dẫn vận động chính sách vì môi trường phát triển thuận lợi cho các tổ chức xã hội.



Mục đích của Bộ công cụ vận động này là gì?

Cung cấp các kiến thức và công cụ cho các tổ chức xã hội trong việc vận động chính sách vì môi trường phát triển thuận lợi cho các tổ chức xã hội;

Thúc đẩy việc chia sẻ kinh nghiệm và thực hành vận động chính sách giữa các tổ chức xã hội và các bên liên quan.

Chính vì thế, Bộ công cụ này được biên soạn chủ yếu cho các lãnh đạo và cán bộ vận động chính sách của các tổ chức xã hội, nhưng cũng hướng tới cung cấp kiến thức và sự chia sẻ hiểu biết chung của tất cả các bên liên quan đến việc xây dựng môi trường phát triển thuận lợi cho các tổ chức xã hội như những người ra quyết định chính sách, các cán bộ nhà nước, cán bộ các tổ chức nghiên cứu, đào tạo cho cán bộ nhà nước, công tác xã hội và tất cả những người quan tâm.

Bộ công cụ được biên soạn dựa trên kết quả các nghiên cứu và đúc kết kinh nghiệm hoạt động chuyên môn và thực tiễn trong lĩnh vực hỗ trợ nâng cao năng lực cho các TCXH Việt Nam của các chuyên gia thuộc Viện Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững. Bộ công cụ cũng kế thừa các kiến thức trong ấn phẩm “Cẩm nang vận động chính sách cho các tổ chức xã hội” do cùng tác giả do Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững in ấn năm 2012 và một số các ấn phẩm liên quan đến VĐCS trên thế giới theo cách có thể áp dụng phù hợp vào Việt Nam.



Bộ công cụ được trình bày như thế nào?

Bộ công cụ được chia làm 3 phần:

PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM

PHẦN 2: VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

PHẦN 3: CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM



Bộ công cụ nên được sử dụng như thế nào?

Bộ công cụ nên được sử dụng một cách linh hoạt. Ngoài phần I và II cung cấp các kiến thức cơ bản cho các TCXH, phần III tập trung vào tiến trình, phương pháp, các công cụ để các tổ chức thực hành VĐCS. Các tổ chức nên linh hoạt trong việc lựa chọn phương pháp, công cụ phù hợp để thực hiện, tránh máy móc và đầu tư quá nhiều thời gian và công sức trong một khâu đoạn mà không đủ nguồn lực để thực hiện các bước tiếp theo.

Thay mặt trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD), tôi xin gửi lời cảm ơn tới các tổ chức, cá nhân đã phối hợp, hỗ trợ và tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện Bộ công cụ. Xin cảm ơn Quỹ Dân chủ Liên hợp quốc đã hỗ trợ nguồn lực cho Bộ công cụ. Chắc chắn, Bộ công cụ còn nhiều thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của Quý độc giả để Bộ công cụ được hoàn thiện hơn và được sử dụng rộng rãi hơn. Hy vọng đây sẽ là Bộ công cụ hữu ích và mang lại những trải nghiệm thực hành phong phú cho các tổ chức xã hội, thúc đẩy việc vận động chính sách cho môi trường phát triển thuận lợi cho các tổ chức xã hội Việt Nam.

Trân trọng,

ThS. Nguyễn Phương Linh

Giám đốc trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững

MỤC LỤC

- ❶ LỜI GIỚI THIỆU
- I. TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM
 - ❷ 1.1. Tổng quan về Tổ chức xã hội (CSOs) tại Việt Nam
 - ❸ 1.2. Vai trò của TCXH Việt Nam
 - ❹ 1.3. Môi trường phát triển của TCXH Việt Nam
 - ❺ 1.4. Các tiêu chuẩn tối thiểu cho môi trường phát triển thuận lợi cho TCXH Việt Nam
 - ❻ 1.4.1. Các tiêu chí cốt lõi cho một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của Hội theo quy định và khuyến nghị của Liên hiệp quốc
 - ❼ 1.4.2. Các tiêu chí dựa trên sự mong đợi và khuyến nghị của Liên minh Hành động vì sự phát triển của các tổ chức xã hội Việt Nam (CSA Việt Nam)
- II. VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI
 - ❽ 2.1. VĐCS vì một môi trường thuận lợi
 - ❾ 2.2. Tại sao VĐCS vì một môi trường thuận lợi?
 - ❿ 2.3. Vận động chính sách vì môi trường phát triển hiệu quả - Phương pháp tiếp cận dựa trên quản lý nhà nước và Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền
 - ⓫ 2.3.1. Phương pháp tiếp cận dựa trên quản lý nhà nước
 - ⓬ 2.3.2. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người
- III. CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM
 - ⓭ 3.1. Bước 1: Định vị môi trường hiện tại
 - ⓮ 3.1.1. Công cụ phân tích môi trường thuận lợi
 - ⓯ 3.1.2. Phân tích quyền lực
 - ⓰ 3.2. Bước 2: Hiểu rõ những người cần tác động để tạo ra sự thay đổi
 - ⓱ 3.2.1. Hiểu rõ quá trình ra quyết định và hoạch định chính sách
 - ⓲ 3.2.2. Xác định các bên liên quan cần tác động
 - ⓳ 3.3. Bước 3: Phát triển thông điệp VĐCS
 - ⓴ 3.4. Bước 4: Truyền tải thông điệp
 - ⓵ 3.4.1. Xây dựng liên minh để tăng cường tiếng nói
 - ⓶ 3.4.2. Vận động hành lang
 - ⓷ 3.4.3. Đàm phán - Đối thoại chính sách
 - ⓸ 3.4.4. Kết nối với giới truyền thông
 - ⓹ 3.5. Bước 5: Đánh giá và quản lý rủi ro
 - ⓺ 3.6. Bước 6: Củng cố kế hoạch và theo dõi tiến độ
 - ⓻ 3.7. Bước 7: Giám sát và đánh giá VĐCS
- ❿ PHỤ LỤC 1
- ⓼ Danh mục Tài liệu tham khảo



PHẦN I:

TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM

- 1.1. Tổng quan về Tổ chức xã hội (CSOs) tại Việt Nam
- 1.2. Vai trò của TCXH Việt Nam
- 1.3. Môi trường phát triển của TCXH Việt Nam
- 1.4. Các tiêu chuẩn tối thiểu cho môi trường phát triển thuận lợi cho TCXH Việt Nam

1.1. TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC XÃ HỘI (TCXH) TẠI VIỆT NAM

Xuất hiện từ đầu thế kỷ 20, các TCXH ở Việt Nam chủ yếu hoạt động vì sự phát triển của đất nước; tuy nhiên, vẫn còn hạn chế về số lượng và chất lượng, số tổ chức hoạt động tích cực chuyên nghiệp còn hạn chế, chủ yếu là cầm chừng, một số tổ chức được Nhà nước bảo trợ kinh phí và không độc lập về tài chính. Chỉ tới khi nền kinh tế chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng Chủ nghĩa xã hội, các TCXH mới bắt đầu khởi sắc. Cùng với sự phát triển kinh tế, các cơ quan nhà nước cũng được đổi mới theo tiêu chuẩn quốc tế và có sự tham gia nhiều hơn của TCXH. Đầu thế kỷ 21 đã chứng kiến sự bùng nổ của TCXH ở mọi loại hình và quy mô.

Ở Việt Nam hiện nay, thuật ngữ “civil society” trong tiếng Việt với ý nghĩa “xã hội dân sự” vẫn chưa được nhìn nhận và hiểu một cách đầy đủ và thống nhất. Thuật ngữ “xã hội dân sự” được các bên liên quan hiểu theo nhiều cách khác nhau. Mặc dù thuật ngữ trên không được sử dụng trong các tài liệu hợp pháp/chính thức của chính phủ, cụm từ “tổ chức xã hội” hoặc “tổ chức nhân dân” được sử dụng thay thế. Thuật ngữ “tổ chức nhân dân” được sử dụng trong Văn kiện quan hệ đối tác Việt Nam năm 2012 - văn kiện đầu tiên chính thức công nhận vai trò của các TCXH trong quá trình phát triển (ở bản tiếng Anh, văn kiện vẫn sử dụng thuật ngữ “Civil society organization” - “tổ chức xã hội dân sự”). Các văn bản của Đảng và Nhà nước đề cập tới cụm từ “tổ chức xã hội”; đặc biệt, Điều 9 trong Hiến pháp sửa đổi năm 2013 khẳng định “Nhà nước hỗ trợ các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội.”

Do được sử dụng và đề cập theo nhiều cách khác nhau, nên không có bất kỳ một định nghĩa chính thức nào cho TCXH cũng như các loại hình của TCXH trong các văn kiện luật pháp chính thức. Theo cách hiểu thông dụng và giữa các TCXH và các học giả, thuật ngữ “tổ chức xã hội dân sự” được hiểu là tổ

chức tự nguyện thành lập bởi những công dân không thuộc bộ máy Nhà nước; được tổ chức và vận hành dựa trên nguyên tắc tự nguyện, độc lập và dân chủ, tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm. TCXH vận hành theo luật pháp và hoạt động vì mục đích phát triển, không vì lợi nhuận.

Hiện nay chưa có cách hiểu thống nhất, chưa có một nghiên cứu chính thức nào về số lượng và chất lượng hoạt động của TCXH Việt Nam. Tuy nhiên, theo Bộ Nội vụ, có: khoảng 500 tổ chức cấp trung ương, 4.000 tổ chức cấp địa phương và 10.000 tổ chức cấp quận/huyện và phường/xã; 1.800 tổ chức phi chính phủ (NGO) bao gồm tổ chức khoa học, môi trường, sức khỏe và giáo dục; 150 hiệp hội nghề nghiệp; hàng trăm quỹ và hơn 900 tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO) đang hoạt động ở Việt Nam. Theo thứ tự, có trên 500, gần 600 và 445 hội ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng (theo “Thời báo Kinh tế Sài Gòn”, 23/07/2015). Hơn nữa, một nghiên cứu quốc tế đã ước tính được hơn 140.000 tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs) đang hoạt động, mà không có một khung pháp lý cụ thể nào (theo Carl Thayer, 2009).

Việc phân loại TCXH đã gây nhiều tranh luận, ví dụ: các tổ chức thành viên và không thành viên, hội, tổ chức phi chính phủ, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức dựa vào cộng đồng, doanh nghiệp xã hội, trường đại học phi lợi nhuận, tổ chức tôn giáo, v.v.

Trong nghiên cứu này, các loại hình tổ chức được phân tích trong bài là các tổ chức độc lập, nhận được ít hoặc không nhận được hỗ trợ từ Nhà nước.



1.2. VAI TRÒ CỦA TCXH VIỆT NAM



Với số lượng đông đảo và hùng hậu của TCXH Việt Nam như đã đề cập ở trên, với hệ thống tổ chức liên kết tới cấp cơ sở, trải dài trên khắp đất nước, tới cả các vùng xa xôi hẻo lánh và tiếp cận tới các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương, bị lề hoá và dễ bị bỏ quên trong xã hội, TCXH Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng trong tiến trình phát triển đất nước. Một số các vai trò nổi bật được thực tiễn ghi nhận như sau:



- TCXH Việt Nam đã phát triển cung cấp các dịch vụ, thực hiện các chương trình dự án góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế và xã hội Việt Nam theo định hướng: công bằng, dân chủ, văn minh.
- TCXH Việt Nam hoạt động rất đa dạng trên các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt tập trung vào cung cấp các dịch vụ về xoá đói giảm nghèo, y tế, giáo dục và môi trường - thể hiện điểm mạnh của TCXH trong việc cung cấp các dịch vụ cho cộng đồng, hỗ trợ nhà nước khoả lấp các khiếm khuyết của nền kinh tế thị trường, đáp ứng nhu cầu của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương, bị lề hoá và bị bỏ quên. Ngoài các lĩnh vực chủ yếu này, một số các lĩnh vực các tổ chức quan tâm gần đây liên quan đến quyền như Giới, Dân chủ và quyền con người, .v.v. Đây là các lĩnh vực làm việc mới xuất hiện của các tổ chức thể hiện xu hướng phát triển của các tổ chức chuyển từ cung cấp dịch vụ và hỗ trợ năng lực sang các lĩnh vực hỗ trợ phát triển về quyền và vận động chính sách.
- Về địa bàn hoạt động, các tổ chức hoạt động mạnh ở cả 3 miền Bắc Trung Nam. Ngoài các tổ chức hội có chi nhánh tới tận cấp cơ sở, các tổ chức có trụ sở tại miền Bắc có xu hướng có địa bàn hoạt động rộng hơn giới hạn ở miền Bắc, có thể vươn tới cả miền Trung và miền Nam hoặc hoạt động trên địa



Thứ nhất, về cung cấp dịch vụ đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội, hiệu quả của các TCXH thể hiện ở một số điểm đáng lưu ý như sau:

- Về đối tượng hưởng lợi: TCXH Việt Nam hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, do đó đối tượng hưởng lợi từ hoạt động của họ cũng rất đa dạng, nhưng tập trung chủ yếu vào nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người khuyết tật, dân tộc thiểu số, v.v.v. Các nhóm dễ bị kỳ thị (HIV/AIDS, mại dâm, LGBT, v.v.) là một nhóm đối tượng hưởng lợi mới được các tổ chức quan tâm hỗ trợ gần đây (có thể hiện nay nhiều chương trình của các tổ chức quốc tế đang hướng tới hỗ trợ cho các đối tượng này). Trong khi đó, số tổ chức quan tâm tới việc hỗ trợ các tổ chức xã hội hay doanh nghiệp còn khá ít. Về số lượng người hưởng lợi, trung bình TCXH có thể tiếp cận và mang lại lợi ích trực tiếp cho 178 người hưởng lợi - một con số khá ấn tượng nếu chúng ta nhân lên với số lượng hàng nghìn TCXH hoạt động trải đều trên địa bàn cả nước.

- Các TCXH Việt Nam tham gia tích cực vào công tác xóa đói giảm nghèo thông qua nâng cao năng lực cán bộ địa phương, xây dựng đề án tổng thể phát triển địa phương hoặc vùng, tìm nguồn tài trợ nước ngoài, tổ chức thực hiện. TCXH không quản ngại khó khăn đã triển khai nhiều chương trình, dự án, các dịch vụ tới vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn mà các tổ chức vì lợi nhuận không muốn triển khai, Nhà nước chưa đủ điều kiện để với tới. Các TCXH nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, thực hiện xóa đói giảm nghèo. Triển khai thành công nhiều mô hình có sự tham gia, giám sát của người dân trong xóa đói giảm nghèo có hiệu quả;
- Các TCXH Việt Nam chủ động tham gia xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện nhân đạo; Tổ chức cung ứng dịch vụ cho xã hội, cho hội viên và tiếp nhận các dịch vụ công, dịch vụ hành chính công do nhà nước chuyển giao góp phần cải cách thể chế;
- TCXH Việt Nam tham gia thị trường lao động, giải quyết công ăn việc làm cho xã hội. Với quy mô trung bình là 8-10 người/tổ chức, TCXH Việt Nam đã giải quyết số lượng công việc đáng kể trong xã hội. Đặc biệt với môi trường bình đẳng, không phân biệt đối xử, đây là các tổ chức thường tạo điều kiện cho các đối tượng lao động khó có cơ hội tiếp cận với cơ hội nghề nghiệp công bằng như người khuyết tật, người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT), người đã từng có quá khứ tiêu cực v.v. Một xu hướng gần đây cũng cho thấy các bạn trẻ rất quan tâm tới việc được lao động, đóng góp và cống hiến trong các tổ chức xã hội. Thêm vào đó, TCXH là các đơn vị thu hút tình nguyện viên với các nỗ lực đóng góp cho cộng đồng. Việc này không những giải quyết công ăn việc làm trong xã hội mà còn thúc đẩy văn hoá vì cộng đồng trong xã hội.
- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường: phát động phong trào bảo vệ môi trường, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho quần chúng và các hội viên của mình. Bên cạnh đó, các tổ chức còn tiếp thu công nghệ mới về bảo vệ môi trường và triển khai vào thực tế như: xử lý nước thải, công nghệ nước sạch, công nghệ trồng rừng ngập mặn, tham gia đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế- xã hội...;
- Ngân sách của tổ chức cũng thể hiện sự tác động của TCXH Việt Nam tới sự phát triển của đất nước do ngân sách này được giải ngân tại cộng đồng để phục vụ việc cung cấp dịch vụ - công tác phát triển của TCXH. Theo thực trạng khảo sát năm 2016, với ngân sách tổ chức huy động được và giải ngân trung bình là 1 tỉ VND/ năm, cá biệt có tổ chức có quy mô lên tới 20-30 tỷ/ năm, với hàng ngàn TCXH, có thể hình dung ngân sách các tổ chức cung ứng dịch vụ tại cộng đồng là rất lớn. Tuy nhiên, sự thiếu sót ở đây là chưa có một con số tổng kết cho thấy TCXH đóng góp vào GDP của cả nước như thế nào.

Thứ hai, về nâng cao năng lực và vườn ươm,

- Nghiên cứu, triển khai công nghệ mới, mô hình mới đưa lại năng suất cao giúp cải thiện đời sống cho người chịu thiệt thòi trong xã hội;
- Tổ chức các chương trình/ hoạt động huấn luyện, tập huấn, hội thảo tri thức, v.v.. nâng cao năng lực về mọi mặt của đời sống cho các tổ chức và người dân;
- Xây dựng các vườn ươm cung cấp kiến thức, kỹ thuật và các đầu vào ban đầu cho sự phát triển của các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp trẻ sáng tạo (Ví dụ: Vườn ươm doanh nhân trẻ, doanh nhân sáng tạo, doanh nghiệp xã hội, tổ chức xã hội) v.v.

1.2. VAI TRÒ CỦA TCXH VIỆT NAM

Thứ ba, về vận động chính sách và đại diện

- TCXH Việt Nam tuyên truyền, vận động và bảo vệ quyền lợi cho hội viên và cộng đồng đặc biệt là những cộng đồng dễ bị tổn thương, dễ bị lợ hoá trong xã hội;
- Tập hợp quần chúng và động viên mọi người tham gia vào giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chủ trương của Đảng, nhà nước;
- Tuyên truyền, vận động hội viên và cộng đồng trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện chủ trương của Đảng, nhà nước;
- Bảo vệ hội viên và cộng đồng, đặc biệt là những người thiệt thòi; Là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với dân, phản ánh nguyện vọng của dân với Đảng, Nhà nước;
- Triển khai nhiều sáng kiến, có khả năng dẫn dắt nhiều phong trào vì sự phát triển của đất nước;
- Tham gia tích cực đóng góp ý kiến, tư vấn kỹ thuật xây dựng chính sách làm cho chính sách pháp luật phù hợp góp phần thúc đẩy xã hội;
- Tham gia giám sát và đánh giá chính sách, các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước.



Thứ tư, về thúc đẩy mối quan hệ đoàn kết trong nước và đối ngoại quốc tế, TCXH Việt Nam là lực lượng đối ngoại nhân dân quan trọng trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế:

- Thúc đẩy khối đại đoàn kết toàn dân;
- TCXH Việt Nam có mối quan hệ rộng rãi với nhân dân các nước, thông qua đó, làm cho các nước hiểu Việt Nam hơn để tăng cường sự hiểu biết, hợp tác cũng như tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân các nước trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước;
- Kết nối và tranh thủ nguồn lực trong nước và quốc tế hỗ trợ phát triển: xóa đói, giảm nghèo, phát triển hệ thống y tế, giáo dục, từ thiện, nhân đạo, v.v.
- Kết nối các chương trình/ phong trào trong nước với các chương trình/ phong trào trong khu vực và trên thế giới.

1.2. VAI TRÒ CỦA TCXH VIỆT NAM

Thứ năm, về giám sát và đưa ra các tiêu chuẩn, TCXH Việt Nam đã nghiên cứu và xây dựng các tiêu chuẩn về thực hành tốt Minh bạch giải trình, quản trị tốt, các nguyên tắc đạo đức và ứng xử trong kinh doanh, trong công việc, v.v. góp phần làm hiệu quả và minh bạch hơn các hoạt động của các thành phần kinh tế trong xã hội.

Ngoài ra, gần đây, theo nhu cầu của môi trường đang thay đổi, TCXH Việt Nam ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong việc là tạo cầu nối kết nối vai trò của các bên liên quan khác nhau, các thành phần khác nhau trong xã hội, đặc biệt là với bên nhà nước, doanh nghiệp, và các tổ chức quốc tế.

Đối với nhà nước, TCXH Việt Nam, một trong ba khu vực bên cạnh khu vực tư nhân và nhà nước, đóng vai trò đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và dân chủ của đất nước. Các tổ chức có năng lực thể hiện sự hỗ trợ kết nối nhà nước với người dân và nâng cao sự tín nhiệm cho chính phủ thông qua việc thúc đẩy các giá trị về minh bạch và trách nhiệm giải trình. Về khía cạnh xây dựng chính sách, TCXH là một đối tác giá trị trong việc đóng góp các ý kiến chuyên gia và huy động các sáng kiến, sự tham gia rộng rãi của người dân vào việc đóng góp cho chính sách pháp luật, sau đó là tuyên truyền, phổ biến và giám sát, đánh giá tiến trình thực hiện. Thêm vào đó, với nỗ lực của TCXH trong việc thúc đẩy các giá trị về minh bạch giải trình và làm cầu nối phản

ánh các phản hồi của người dân tới nhà nước, hoạt động của nhà nước ngày càng được cải thiện hiệu quả và có trách nhiệm giải trình, tạo niềm tin cho các thành phần trong xã hội. Thêm vào đó, như đã đề cập ở trên, TCXH cung cấp rất nhiều các dịch vụ cho cộng đồng, cho xã hội, là cánh tay nối dài của nhà nước và hỗ trợ nhà nước trong việc lấp các khiếm khuyết của kinh tế thị trường.

Đối với khu vực tư nhân, TCXH Việt Nam cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phát triển, đặc biệt là khối doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp xã hội. TCXH cung cấp các giải pháp và sáng kiến kỹ thuật để áp dụng vào kinh doanh sản xuất đáp ứng với nhu cầu cạnh tranh trên thị trường. Chính TCXH đã tạo dựng các vườn ươm doanh nghiệp và vừa bảo vệ vừa hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho khối khu vực tư nhân tại Việt Nam. Đặc biệt, các hội nghề nghiệp đã tích cực bảo vệ các thành viên của mình trong các tranh chấp thương mại. Ở một khía cạnh khác, TCXH tham gia thúc đẩy trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh, kết nối doanh nghiệp với công nhân và công tác phát triển cộng đồng, xã hội.

Đối với các tổ chức quốc tế, TCXH Việt Nam hỗ trợ các tổ chức quốc tế trong việc xây dựng các chiến lược và chính sách hiệu quả, phù hợp với nhu cầu, bối cảnh và tri thức địa phương. Với vai trò là các tổ chức gần cộng đồng nhất, TCXH là đối tác quan trọng trong việc thực hiện và đảm bảo hiệu quả và tính bền vững của các chương trình dự án của các đối tác quốc tế tại cộng đồng.

Tóm lại, TCXH ở nước ta đã, đang hình thành và ngày càng thích ứng với nền kinh tế thị trường, có xu hướng ngày càng phát triển và hoạt động ngày càng có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, có vai trò ngày càng quan trọng, có đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

1.3. MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA TCXH VIỆT NAM

Môi trường phát triển thuận lợi cho TCXH được hiểu là bối cảnh của một loạt các điều kiện về pháp lý, chính sách, tổ chức, tài chính, thông tin, chính trị và văn hoá, v.v. tác động tới năng lực phát triển của TCXH tham gia vào tiến trình phát triển một cách bền vững và hiệu quả (Thindwa, 2001).

Môi trường phát triển thuận lợi cho sự phát triển thuận lợi của TCXH bị ảnh hưởng bởi cả các yếu tố bên trong và bên ngoài của khối TCXH: Môi trường bên trong liên quan đến môi trường nội bộ của TCXH. Môi trường bên ngoài: Là bối cảnh chính trị và chính sách do các chính phủ, nhà tài trợ chính thống và các tổ chức phát triển khác. Môi trường này ảnh hưởng phương thức hoạt động của các TCXH.

Trong môi trường bên ngoài, môi trường pháp lý ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tự phát triển của các TCXH. Để thúc đẩy khả năng tự phát triển hiệu quả và bền vững của TCXH, môi trường pháp lý cần đáp ứng các nhu cầu của TCXH Việt Nam. Theo báo cáo năng lực tự phát triển của TCXH Việt Nam 2015 của Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững, một số yếu tố ảnh hưởng căn bản từ môi trường pháp lý bao gồm: (i) thành lập/đăng ký hoạt động của tổ chức; (ii) hoạt động tổ chức; (iii) huy động nguồn lực; và (iv) thuế. Các thách thức từ môi trường pháp lý đến năng lực tự phát triển của TCXH do đó cũng đến từ các khía cạnh này:

Về việc thành lập: Với số lượng các TCXH đông đảo, có thể thấy việc thành lập của TCXH là thực hiện được, tuy nhiên, cũng tồn tại một số thực trạng thách thức sau:

Việc thành lập hội khá đồng đều ở các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, nhưng còn hạn chế ở địa phương, chủ yếu do cách hiểu nhầm là loại hình “nhảy cảm”. Tuy nhiên, do nhu cầu của người dân và thực tiễn của cuộc sống cao, nhiều tổ chức loại hình hội được thành lập do phòng quản lý nghiệp vụ của cấp huyện thành lập, hoặc có khi do tổ chức hội cấp trên lập ra trong khi những loại này không được quy định trong luật pháp.

Đối với các tổ chức phi chính phủ, việc thành lập tuy được quy định trong nhiều văn bản khác nhau, song việc thành lập còn nhiều vấn đề đáng bàn.

Hiện việc thành lập các tổ chức khoa học công nghệ (KH&CN) thuận lợi chủ yếu là ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, còn những tổ chức ở địa phương khác thường không biết thành lập ở đâu hoặc khó khăn trong việc tiếp cận các cơ quan quản lý địa phương để cấp giấy phép nên thường phải về Hà Nội thông qua một số cơ quan chủ quản lớn như Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Hội Nghiên cứu khoa học Đông Nam Á để thành lập. Hiện nay theo thống kê có khoảng 1800 tổ chức khoa học & công nghệ (KH&CN) ngoài nhà nước đã được thành lập, nhiều tổ chức phải “đội mũ” KH&CN để hoạt động.

Mặt khác hiện rất nhiều loại hình TCXH Việt Nam mới xuất hiện: tổ chức tự lực của người khuyết tật, tổ chức tình nguyện, các tổ chức từ thiện nhân đạo, nhưng chưa có văn bản nào qui định khiến cho nhiều tổ chức muốn đăng ký hoạt động mà không được. Điều này gây khó cho cơ quan quản lý. Chính vì vậy khi khảo sát thấy nhiều loại hình TCXH Việt Nam do các hội đứng ra thành lập được cơ quan công an đồng ý cho sử dụng con dấu hình bầu dục, điều mà không có văn bản nào qui định.

1.3. MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA TCXH VIỆT NAM

Việc thành lập thường phải qua nhiều lần xét duyệt, sửa chữa; điều này phản ánh thực tế là việc có được giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động lên tới hàng năm trời và giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động phải thay đổi cho đúng như trong văn bản quy định.

Về hoạt động: TCXH Việt Nam đã bước đầu được tạo môi trường pháp lý thuận lợi trong hoạt động, đặc biệt, hội nhận được rất nhiều sự hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước trong quá trình hoạt động. Nhiều tổ chức đã có các hình thức hợp tác rất hiệu quả và thường xuyên với các cơ quan nhà nước với các hình thức hợp tác khác nhau từ hướng dẫn hỗ trợ kỹ thuật, trao đổi thông tin tới các văn bản hợp tác chính thức. Bên cạnh những thuận lợi trong hoạt động, TCXH Việt Nam cũng gặp một số khó khăn về thủ tục phê duyệt chương trình, dự án của tổ chức. Ví dụ dự án, chương trình của tổ chức đã được phê duyệt, nhưng khi hoạt động ở các nơi khác nhau lại phải xin phép chính quyền ở nơi triển khai dự án. Việc phê duyệt dự án khó khăn do quy định phải xin ý kiến nhiều cơ quan dẫn tới thời gian phê duyệt kéo dài nhiều khi mất cơ hội của tổ chức. Bên cạnh đó, tổ chức phải nộp báo cáo cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau với các quy định báo cáo không rõ ràng, có nhiều cơ quan đòi hỏi báo cáo, không có biểu mẫu và có thể phải nộp nhiều lần trong năm.

Về huy động nguồn lực: Chủ yếu các cơ quan nhà nước cung cấp thông tin và hỗ trợ huy động nguồn lực cho hội mà chưa hỗ trợ nhiều cho khối các tổ chức phi chính phủ (TCPCP). Các TCPCP cũng khó tiếp cận cơ quan nhà nước để huy động nguồn lực. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ nhận thức về vai trò của TCXH Việt Nam.

Về thuế: Miễn thuế, hoàn thuế là vấn đề lớn đối với các tổ chức phi lợi nhuận, nhất là các tổ chức nhận tiền từ các tổ chức quốc tế (các tổ chức quốc tế thường cho rằng các hoạt động phi lợi nhuận đương nhiên phải được hoàn thuế). Song trong thực tiễn TCXH Việt Nam rất khó nhận được miễn giảm thuế và thủ tục rất khó thực hiện. Các chính sách ưu đãi về thuế cho TCXH Việt Nam trong huy động nguồn lực, đặc biệt là huy động nguồn lực từ cá nhân và doanh nghiệp chưa rõ ràng hoặc chưa được thực hiện trong thực tế.



1.4. CÁC TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU CHO MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO TCXH VIỆT NAM

Các tiêu chuẩn thuận lợi được hiểu là một tập hợp các thực tiễn tốt liên quan đến nhau của các nhà tài trợ và chính phủ trong các lĩnh vực quy phạm pháp luật, tài chính, thông tin, chính trị và văn hóa - các thực tiễn này hỗ trợ năng lực của các nhân tố phát triển để TCXH Việt Nam tham gia vào các quá trình phát triển một cách bền vững và hiệu quả.

1.4.1. Các tiêu chí cốt lõi cho một môi trường thuận lợi cho sự phát triển của Hội theo quy định và khuyến nghị của Liên hiệp quốc

1. Nguyên tắc chung: Quyền tự do hội họp và lập hội (quyền tự do hiệp hội) là phương tiện để thực hiện rất nhiều quyền khác như quyền dân sự, văn hóa, kinh tế, chính trị và xã hội. Nghị quyết 15/21 tái khẳng định rằng “Mỗi người đều có quyền tự do hội họp và lập hội”. Điều khoản này cần được diễn giải cùng với và bổ sung cho điều 2 của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị “Mỗi quốc gia thành viên sẽ thực hiện các biện pháp nhằm tôn trọng và đảm bảo tất cả các cá nhân trong lãnh thổ và quyền tài phán được thụ hưởng các quyền có trong Công ước này mà không có bất kỳ sự phân biệt nào như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hay có chính kiến khác, nguồn gốc quốc tịch hay xã hội, mức độ giàu nghèo, nơi sinh hay ở bất kỳ trạng thái nào khác. Điều 26 đảm bảo tất cả cá nhân đều bình đẳng và được bảo vệ một cách hiệu quả chống lại mọi sự phân biệt đối xử bao gồm cả người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc các cộng đồng dễ bị tổn thương hoặc rủi ro, các nạn nhân bị phân biệt vì yếu tố giới, người không quốc tịch, người di cư, người tị nạn, cũng như các hội, nhóm không có tư cách pháp nhân.

2. Định nghĩa về Hội: Một “hội”, ngoài những ý nghĩa khác, nhằm chỉ bất kỳ nhóm cá nhân hay pháp nhân nào kết nối với nhau nhằm cùng nhau hành động, thể hiện ý kiến, thúc đẩy, theo đuổi hoặc bảo vệ một lĩnh vực lợi ích chung (Báo cáo, A / 59/401, đoạn 46). “Hội” có thể là tổ chức xã hội dân sự, câu lạc bộ, hợp tác xã, tổ chức phi chính phủ (NGOs), hội tôn giáo, đảng phái chính trị, tổ chức công đoàn, quỹ, cả hội trực tuyến (online) (A / HRC / 17/27, đoạn. 2).

3. Quyền thành lập và tham gia hội: là một phần không thể tách rời của quyền tự do hiệp hội. Mỗi cá nhân đều có quyền tự do hiệp hội, vì vậy để tuân thủ pháp luật quốc tế thì pháp luật quốc gia không được đưa ra bất cứ hạn chế gì đối với các cá nhân bao gồm cả trẻ em và người có quốc tịch nước ngoài. Quyền tự do hiệp hội cũng bảo vệ bình đẳng các hội không đăng ký - các cá nhân tham gia các hội không đăng ký cần được tự do tiến hành các hoạt động bao gồm cả tổ chức và tham gia hội họp hòa bình.

4. Thủ tục thành lập hội: “Thủ tục thông báo” thay vì “thủ tục xin phép” các cơ quan có thẩm quyền khi thành lập một hội có tư cách pháp nhân sẽ tuân thủ tốt hơn pháp luật về nhân quyền quốc tế và cần được các quốc gia thực thi, áp dụng đối với cả việc thành lập các chi nhánh, hội có yếu tố nước ngoài, hoặc hội đoàn hoặc mạng lưới, liên minh các hội. Trong cả 2 trường hợp thông báo hay xin phép, cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm phải có phản hồi nhanh chóng. Luật pháp sẽ giới hạn một khoảng thời gian hạn chế cho việc phản hồi này. Hội có quyền khiếu nại hoặc khiếu kiện quyết định của cơ quan đó với một cơ quan độc lập hoặc tòa án.

5. Quyền được hoạt động tự do và được bảo vệ khỏi mọi sự can thiệp quá đáng: Quyền tự do hiệp hội đòi hỏi nhà nước phải tiến hành các biện pháp tích cực nhằm xây dựng và duy trì môi trường thuận lợi và xóa bỏ các đe dọa, rào cản. Đồng thời, nhà nước có trách nhiệm không gây trở ngại quá đáng với quyền tự do hiệp hội. Thành viên hội cần được tự do quyết định điều lệ, cấu trúc, hoạt động và ra các quyết định mà không có sự can thiệp của nhà nước (ví dụ như nhà nước không áp đặt điều kiện cho các hoạt động và quyết định của hội, thay đổi kết quả bầu cử đội ngũ lãnh đạo hội, cử đại diện tham gia ban lãnh đạo hội, yêu cầu báo cáo trước...)

6. Quyền được tiếp cận các nguồn quỹ và nguồn lực tài chính: Khả năng hội tìm kiếm, nhận và sử dụng nguồn quỹ một cách tự do là một phần không thể tách rời của quyền tự do hiệp hội. Tuyên bố này là không thể tranh cãi. Các hội có tư cách pháp nhân hay không đăng ký đều có quyền tìm kiếm, đảm bảo nguồn quỹ và các hoạt động từ trong nước, nước ngoài hay quốc tế, từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự, chính phủ hay tổ chức quốc tế. Cơ chế đấu thầu các nguồn lực của nhà nước cho các tổ chức phải được công khai, minh bạch và công bằng. Nhà nước cũng cần có các quy định về ưu đãi thuế cho hội.

7. Quyền được tham gia các hoạt động công: bao gồm cả tiếp cận hoạt động dịch vụ công, tham gia quá trình ra quyết định, đề xuất sáng kiến pháp luật hay xây dựng pháp luật là một phần của quyền tự do hiệp hội.

8. Chấm dứt, đình chỉ và giải thể hội: quyền tự do hiệp hội tồn tại trong suốt cuộc đời của một hội, Hội chỉ có thể bị chấm dứt hay giải thể khi có nguy cơ vi phạm đến pháp luật của quốc gia một cách rõ ràng và sẽ xảy ra, và chỉ được thực hiện sau khi có quyết định của tòa án.

1.4.2. Các tiêu chí dựa trên sự mong đợi và khuyến nghị của Liên minh Hành động vì sự phát triển của các tổ chức xã hội Việt Nam (CSA Việt Nam):

Đại diện của CSA Việt Nam và hơn 80 tổ chức hội có tư cách pháp nhân và cộng đồng đến từ 3 miền Bắc - Trung - Nam đã gặp gỡ trong tháng 9 và 10/2016 để cùng xây dựng tiêu chí thể hiện yêu cầu và nguyện vọng về một môi trường phát triển thuận lợi cho chính chúng tôi. Các tiêu chí chủ đạo bao gồm:

1. Sự tham gia: Khung pháp lý của Việt Nam cần cởi mở và đảm bảo sự tham gia của tất cả loại hình các tổ chức xã hội ("hội" được hiểu theo nghĩa rộng) vào quá trình phát triển. Cụ thể hơn, các tổ chức xã hội có thể tham gia và tác động đến tiến trình ra quyết định, xây dựng và ban hành pháp luật, chính sách, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; tham gia cung cấp dịch vụ công và dịch vụ xã hội thông qua cơ chế đấu thầu công khai, minh bạch và công bằng; được phối hợp, thiết lập quan hệ đối tác với các thành phần kinh tế và phát triển khác trong nước và quốc tế.

2. Tăng quyền năng: Nhà nước tăng quyền năng cho các tổ chức xã hội trong mọi mặt của đời sống xã hội: Cụ thể, tổ chức xã hội có quyền quyết định các hoạt động với đối tác hay được nhà nước giao; là đối tác của nhà nước và cùng trao đổi, đưa ra những đề xuất hướng tới hiệu quả phát triển; Nhà nước cần xây dựng môi trường thuận lợi trong đó các tổ chức xã hội có thể xác định vị thế của mình và mối quan hệ với nhà nước và các đối tác khác.

3. Minh bạch và Trách nhiệm giải trình: Trách nhiệm giải trình và công khai, minh bạch thông tin giữa nhà nước và tổ chức xã hội, giữa khối doanh nghiệp và tổ chức xã hội được thúc đẩy, các bên có trách nhiệm đối thoại và phản hồi cho các bên còn lại.

4. Đảm bảo quyền, bình đẳng và không phân biệt đối xử: Nhà nước tôn trọng và có các biện pháp đảm bảo các quyền con người, các quyền tự do đi lại, tự do hội họp hoà bình và lập hội, tự do ngôn luận và báo chí, quyền tiếp cận thông tin. Nhà nước thúc đẩy xoá bỏ những rào cản của xã hội như định kiến, phân biệt đối xử với các nhóm dễ bị tổn thương - thông qua thiết lập cơ chế hỗ trợ để họ tăng tự tin tham gia/ thành lập hội. Nhà nước không phân biệt các tổ chức xã hội và các tổ chức đoàn thể trong triển khai hoạt động; đảm bảo đối môi trường thuận lợi cho các tổ chức xã hội như đối với doanh nghiệp, xây dựng khung pháp lý minh bạch và bình đẳng trong lĩnh vực đấu thầu dịch vụ công.

5. Tin cậy: Nhà nước chuyển từ việc quản lý, kiểm soát sang hỗ trợ và hợp tác với tổ chức xã hội, xoá bỏ các hoạt động kiểm soát tổ chức xã hội, và tin tưởng tổ chức xã hội hoạt động theo hiến pháp và pháp luật.

6. Tài chính: Nhà nước ban hành khung pháp lý thuận lợi cho tổ chức xã hội tìm kiếm, huy động và sử dụng các nguồn tài chính đa dạng từ nhà nước, các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và cá nhân, đồng thời nhà nước xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tăng cường các nguồn tài chính dành cho tổ chức xã hội và công cuộc phát triển.

Tài liệu cẩm nang Vận động chính sách cho môi trường phát triển thuận lợi này sẽ căn cứ trên các tiêu chuẩn về môi trường phát triển thuận lợi của hơn 80 CSOs Việt Nam do CSA Việt Nam tập hợp trên đây để làm căn cứ hướng dẫn vận động chính sách cho môi trường phát triển thuận lợi.



PHẦN II:

VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

- 2.1. VĐCS vì một môi trường thuận lợi
- 2.2. Tại sao VĐCS vì một môi trường thuận lợi?
- 2.3. Vận động chính sách vì môi trường phát triển hiệu quả - Phương pháp tiếp cận dựa trên quản lý nhà nước và Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền

2.1. VĐCS vì một môi trường thuận lợi

VĐCS có thể là công cụ hiệu quả để hỗ trợ các TCXH thúc đẩy môi trường thuận lợi cho sự phát triển hiệu quả theo đúng với thực tại và nhu cầu phát triển hiệu quả, đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Vận động chính sách cho môi trường phát triển thuận lợi được hiểu là một quá trình cần trọng được thiết kế bao gồm những nỗ lực có tính hệ thống nhằm tác động đến những người có quyền lực nhằm đạt được môi trường phát triển thuận lợi hơn cho khối tổ chức xã hội dân sự hoạt động hiệu quả, dựa trên các tiêu chuẩn tối thiểu được nhất trí.

2.2. Tại sao VĐCS vì một môi trường thuận lợi?

Vận động có thể là một phương cách hiệu quả để thúc đẩy sự thay đổi khi:

Thiếu các chính sách, pháp luật và các quy định hỗ trợ thỏa đáng hiệu quả tạo thuận lợi cho sự phát triển của TCXH (ví dụ: Thiếu luật thuế phi lợi nhuận, luật các tổ chức xã hội, v.v.)

Chính sách, pháp luật và các quy định hiện tại không có lợi cho các TCXH, chưa phù hợp hoặc cản trở sự phát triển của TCXH (ví dụ: Luật, chính sách liên quan đến tiếp nhận viện trợ nước ngoài nhiều thủ tục khiến TCXH khó khăn trong việc tiếp nhận viện trợ)

Chính sách thuận lợi, pháp luật và các quy định tồn tại nhưng không được thực thi (ví dụ: Luật đầu tư công yêu cầu sự tham gia giám sát bắt buộc của các tổ chức xã hội - nhân dân nhưng chưa được thực thi hiệu quả).

2.3. Vận động chính sách vì môi trường phát triển hiệu quả - Phương pháp tiếp cận dựa trên quản lý nhà nước và Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền

Đối với vấn đề thúc đẩy môi trường phát triển thuận lợi cho TCXH Việt Nam, hiện nay tồn tại một số phương pháp tiếp cận làm nền tảng. Việc hiểu các nền tảng tiếp cận sẽ hỗ trợ hiệu quả cho tiến trình vận động chính sách về môi trường phát triển thuận lợi cho TCXH Việt Nam.

2.3.1. Phương pháp tiếp cận dựa trên Quản lý Nhà nước

Phương pháp tiếp cận theo hướng tăng cường quản lý nhà nước (gọi tắt là Phương pháp tiếp cận QLNN) nhằm đến mục đích tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, củng cố hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực tương ứng (Bùi Hải Thiêm, 2016). Với cách tiếp cận này TCXH Việt Nam sẽ được coi là một khu vực quan trọng của đời sống xã hội cần quản lý bởi khu vực này có thể có tác động trực tiếp đến an ninh, ổn định và ảnh hưởng đến sự phát triển chung của đất nước. Trên cơ sở đó, nhà nước sẽ đưa ra các công cụ là các văn bản chính sách pháp luật để quản lý khu vực TCXH, tạo lập các khuôn khổ và chuẩn mực, quy định để TCXH vận hành trong sự kiểm soát của nhà nước. Những người theo phương pháp tiếp cận này thường có xu hướng nhìn nhận TCXH theo hướng chứa đựng tiềm tàng các nguy cơ bất ổn cho xã hội. Trên thực tế, ở cấp độ nhận thức chung và hành vi chính sách thì về cơ bản sự nhìn nhận, đánh giá về TCXH của Đảng và nhà nước còn rất e dè, thận trọng, và chưa thực sự cởi mở. Vẫn tồn tại nhận thức về các tổ chức xã hội gắn với cách hiểu "xã hội dân sự" theo hướng một khái niệm chính trị nhạy cảm, thiên nhiều về việc gắn với ý niệm về thủ đoạn "diễn biến hòa bình" (Dương Văn Cừ, 2012). Sự nhìn nhận về vấn đề này còn chưa nhất quán và chủ yếu theo khía cạnh tiêu cực, do đó gây nhiều khó khăn về mặt định hướng chính sách và thực thi chính sách trên thực tế. Chính vì thế, tiến trình xây dựng các văn bản chính sách tạo môi trường phát triển thuận lợi cho TCXH còn có nhiều văn bản thiên về "quản lý" và "trị".



2.3.2. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người

Đây là phương pháp tiếp cận không mới trên thế giới, đã được Liên Hợp quốc thể hiện rất rõ trong Tuyên ngôn phổ quát về nhân quyền năm 1948 và hai công ước trụ cột về các quyền dân sự chính trị (ICCPR) và các quyền văn hoá-kinh tế-xã hội (ICESCR) 1966. Phương pháp tiếp cận này đặt con người làm trung tâm của sự phát triển, lấy sự bảo vệ và phát huy quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân làm động lực sự phát triển, từ đó, đặt ra trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm và phát huy quyền con người, tạo thuận lợi nhất cho người dân thực thi quyền của mình thông qua việc xây dựng và thực thi một hệ thống pháp luật công khai, minh bạch, thống nhất, khả thi và công bằng. Theo phương pháp tiếp cận này, người dân có quyền thành lập, hội họp, quyền hoạt động tự do, phát triển - đây chính là quyền cơ bản của con người và nhà nước có trách nhiệm tạo lập hành lang pháp lý thuận lợi và các điều kiện vật chất phù hợp để người dân thực hiện quyền này. Tinh thần này đã được thể hiện trong luật nhân quyền quốc tế và ngay trong chính các bản Hiến pháp của Việt Nam kể từ năm 1946 đến nay.

Các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 đều quy định công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình đồng thời xác định rõ trách nhiệm của nhà nước: Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó. Hiến pháp 2013 tuy có thể hiện khác "Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định" nhưng không vì thế mà xao nhãng trách nhiệm của nhà nước trong việc tạo lập các điều kiện đảm bảo cho công dân thực hiện các quyền này, trong đó có quyền hội họp, quyền lập hội. Căn cứ theo phương pháp tiếp cận này, tiến trình vận động chính sách cho môi trường phát triển thuận lợi của TCXH thường nhấn mạnh trách nhiệm của nhà nước, mặc dù có sự hài hoà với nghĩa vụ của người dân trong tuân thủ pháp luật, nhưng điểm cốt yếu vẫn là tạo thuận lợi cho người dân thụ hưởng và thực thi quyền của mình chứ không phải là tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước và đem phần khó về cho người dân và TCXH trong việc thực hiện các quyền của mình.

Như vậy, hiểu rõ 2 phương pháp tiếp cận dựa trên quản lý nhà nước và dựa trên quyền con người, việc vận động chính sách tạo môi trường phát triển cho TCXH Việt Nam cần hài hoà hoá, để đưa chiến lược vận động chính sách phù hợp.



PHẦN III:

CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH VÌ MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI VIỆT NAM

- 3.1. Bước 1: Định vị môi trường hiện tại
- 3.2. Bước 2: Hiểu rõ những người cần tác động để tạo ra sự thay đổi
- 3.3. Bước 3: Phát triển thông điệp VĐCS
- 3.4. Bước 4: Truyền tải thông điệp
- 3.5. Bước 5: Đánh giá và quản lý rủi ro
- 3.6. Bước 6: củng cố kế hoạch và theo dõi tiến độ
- 3.7. Bước 7: Giám sát và đánh giá VĐCS

Chiến lược VĐCS được hiểu là tổng thể các phương pháp, kế hoạch, chiến thuật tổng thể để giúp xác định các hoạt động và cách thức thực hiện các hoạt động để đạt được mục tiêu vận động chính sách, với việc sử dụng các nguồn lực hiệu quả nhất. Một chiến lược vận động chính sách trả lời các câu hỏi:

- Làm gì để đạt được mục tiêu?
- Làm như thế nào?
- Làm thế nào để sử dụng hiệu quả các nguồn lực?

VĐCS không phải là một quá trình tuyến tính. Các bước trên có thể không diễn ra theo một thứ tự giống nhau. Các TCXH có thể phản ứng và thích nghi với môi trường bên ngoài thay đổi, đặc biệt là khi vận động trong điều kiện khó khăn hoặc bối cảnh chính trị không cho phép. Có thể phải thay đổi chiến lược và các TCXH phải tận dụng cơ hội khi nó xuất hiện. Tuy nhiên, quan trọng là phải cân nhắc, phân tích và lập kế hoạch cho mỗi bước như một phần hoàn chỉnh của phát triển chiến lược. Cẩm nang sẽ giới thiệu hướng dẫn một số công cụ chính để thực hiện từng bước trong tiến trình xây dựng và thực hiện chiến lược VĐCS.

3.1. Bước 1: Định vị môi trường hiện tại

Bước 1 này đòi hỏi các TCXH định vị môi trường hiện tại mà các tổ chức đang vận hành.

Để phân tích môi trường có rất nhiều các công cụ khác nhau. Trong phạm vi cẩm nang này, chúng tôi giới thiệu 2 công cụ chính để giúp TCXH định vị môi trường hiện tại mà tổ chức đang hoạt động, bao gồm:

- Công cụ Phân tích môi trường thuận lợi
- Công cụ Phân tích môi trường - Quyền lực

3.1.1. Công cụ phân tích môi trường thuận lợi:

nhằm xác định những rào cản quan trọng đối với sự phát triển của TCXH trong môi trường hiện tại.

Theo mục 1.1.2 chúng ta đã có được các tiêu chuẩn tối thiểu cho một môi trường phát triển thuận lợi cho các TCXH, công cụ phân tích môi trường thuận lợi này sẽ giúp chúng ta xác định được việc thực hiện và áp dụng các tiêu chí, các rào cản đối với việc thực hiện các tiêu chí, mức độ ảnh hưởng của các rào cản và tính khả thi của việc áp dụng VĐCS để vượt qua/ giải quyết các rào cản.

TIÊU CHUẨN ĐƯỢC TÔN TRỌNG HAY ÁP DỤNG? (CÓ/KHÔNG)	MÔ TẢ RÀO CẢN	MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC RÀO CẢN (CAO/TB/THẤP)	TÍNH KHẢ THI CÓ THỂ ĐẠT ĐƯỢC THAY ĐỔI THÔNG QUA VĐCS (CAO/TB/THẤP)

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

- **Bước 1:** Xác định các tiêu chuẩn tối thiểu cho một môi trường phát triển thuận lợi (tham khảo mục 1.1.2), với mỗi tiêu chuẩn, xác định xem các tiêu chí đã được tôn trọng và hoặc áp dụng trong bối cảnh, tình huống, khu vực mà TCXH của bạn đang hoạt động hay không.
- **Bước 2:** Đối với tất cả các tiêu chuẩn chưa được tôn trọng hoặc áp dụng bởi chính phủ, hoặc các cơ quan thẩm quyền tại địa phương, TCXH xác định các rào cản đối với việc thực hiện các tiêu chuẩn này trong bối cảnh/ tình huống, khu vực mà TCXH đang hoạt động.
- **Bước 3:** Ngoài việc xác định các rào cản là gì, còn cần xác định về mức độ ảnh hưởng của rào cản đối với việc thúc đẩy việc thực hiện các tiêu chí theo các cấp độ Cao, Trung bình, và Thấp.
 - **Mức độ ảnh hưởng cao:** thể hiện rào cản sẽ ngăn cản và ảnh hưởng tiêu cực nghiêm trọng tới việc thực hiện tiêu chuẩn nói riêng và môi trường nói chung cho việc vận hành của tổ chức cũng như các cá nhân trong tổ chức;
 - **Mức độ ảnh hưởng trung bình:** Rào cản có thể ảnh hưởng và có thể gây hại trên một vài phương diện nhưng có thể khắc phục được trong trung và dài hạn;
 - **Mức độ ảnh hưởng thấp:** Rào cản chỉ ảnh hưởng nhẹ đến khả năng của TCXH và có thể khắc phục được.
- **Bước 4:** Phân tích về giá trị gia tăng của VĐCS. Không phải tất cả các vấn đề đều được giải quyết thông qua VĐCS, do đó, việc này sẽ giúp TCXH xem xét ra quyết định về trọng tâm và các ưu tiên VĐCS. Để xác định trọng tâm và ưu tiên, nên xem xét khả năng đạt được sự thay đổi (Cao, trung bình, thấp) thông qua VĐCS:
 - **Cao:** thay đổi có thể đạt được thông qua VĐCS ngắn hạn và trung hạn;
 - **Trung bình:** thay đổi có thể đạt được thông qua VĐCS nhưng sẽ mất thời gian và nhiều công sức hơn;
 - **Thấp:** thay đổi khó có thể đạt được thông qua VĐCS, cần có những yêu cầu thay đổi xã hội có tính lâu dài.

Một số câu hỏi chúng ta có thể sử dụng:

- *Chúng ta có thể đạt được sự thay đổi tích cực về vấn đề này thông qua VĐCS hay thông qua cách tiếp cận khác?*
- *Mất bao lâu chúng ta đạt được sự thay đổi có ý nghĩa qua VĐCS (dự kiến thời gian VĐCS từ 1 đến 3 năm hay dài hơn)?*
- *Có các cơ hội nào để giải quyết vấn đề này trong ngắn hạn và trung hạn?*
- *Tính hợp pháp của tổ chức trong việc giải quyết vấn đề này là gì?*
- *Đánh giá về độ nhạy và rủi ro liên quan khi tổ chức làm việc về vấn đề này?*

Ở giai đoạn này, TCXH nên thu hẹp danh sách rào cản lúc đầu một cách cân nhắc. TCXH nên tập trung vào những rào cản xếp hàng quan trọng 'CAO' và có khả năng thành công 'CAO' thông qua vận động.

Gợi ý là không nên chọn quá hai rào cản quan trọng trong chiến lược VĐCS để tránh quá mất thời gian. Nếu vẫn cảm thấy khó xếp ưu tiên, TCXH có thể xem xét tập trung vào một hoặc hai vấn đề cấp bách mà cũng gây tác động đến các rào cản khác đã được xác định. Các câu hỏi hướng dẫn VĐCS (cộng với tiêu chí TCXH có thể tự thiết kế riêng) sẽ bổ sung bản phân tích môi trường thuận lợi, cung cấp thêm thông tin và giúp đạt được một sự đồng thuận.

3.1.2. Phân tích quyền lực:

3.1.2.1. Định nghĩa quyền lực:

Theo từ điển Kinh doanh, quyền lực (power) là khả năng gây ra hoặc ngăn ngừa một hành động, làm cho điều gì xảy ra hoặc không xảy ra.

Đúng vào nghĩa trong văn cảnh, quyền lực là khả năng ảnh hưởng tới suy nghĩ, hành động hoặc các giá trị của người khác, hoặc buộc người khác phải phục tùng (Ken Petress, 1963). Trong việc vận động môi trường phát triển thuận lợi cho TCXH, việc xác định quyền lực của mỗi bên và các dạng thể quyền lực sẽ giúp TCXH đưa ra chiến lược và chiến thuật “gây ảnh hưởng” một cách cụ thể.

3.1.2.2. Các dạng thể của quyền lực:

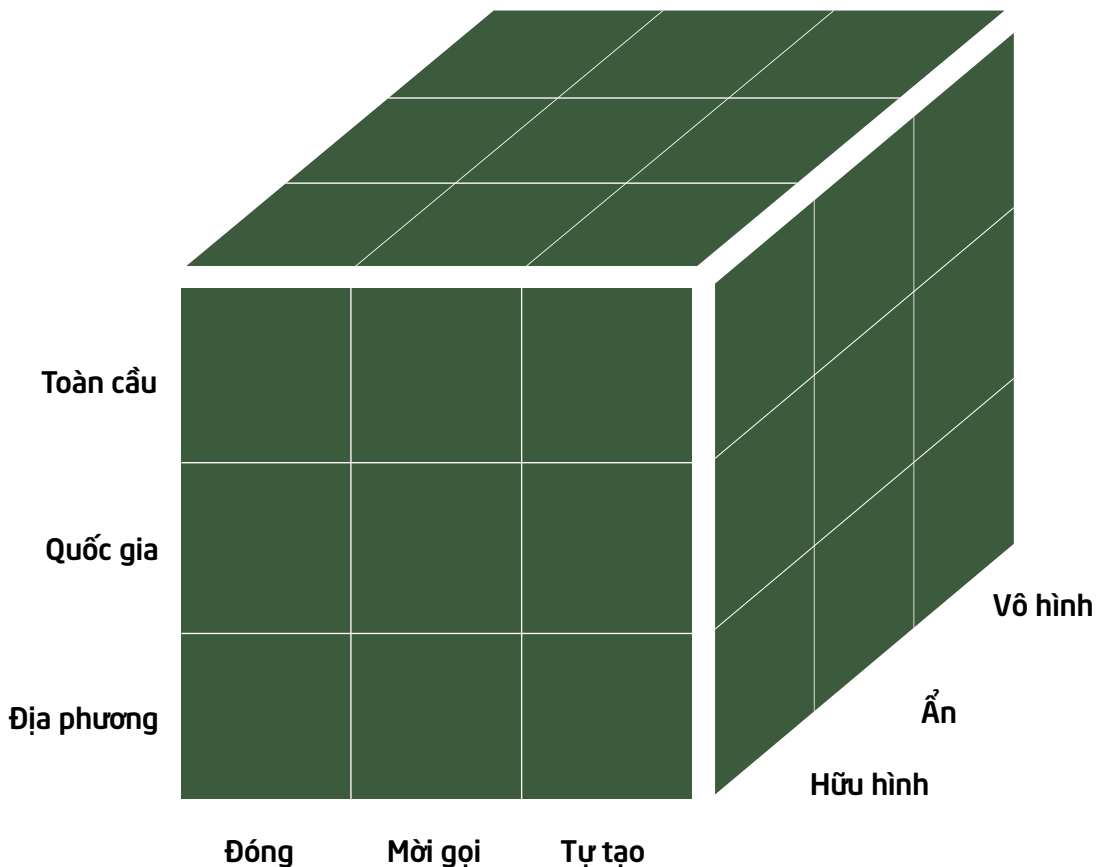
- Quyền lực “đối với”
- Quyền lực “trong”
- Quyền lực “với”

Trong VĐCS, việc đề cao mối liên quan mật thiết giữa thay đổi và quyền lực là rất cơ bản. Tuy nhiên, VĐCS thường được thực thi mà không được hiểu tường tận, không có phân tích cận kề, hoặc nhìn nhận thay đổi

sẽ như thế nào. Nhiều chiến lược VĐCS chỉ dựa trên giả định rằng chính sách thay đổi sẽ có khả năng đạt được thay đổi xã hội lâu dài. Trong khi thay đổi chính sách là cần thiết cho hiệu quả phát triển của TCXH, xác định và khám phá các yếu tố cấu thành quyền lực có thể tác động đến tình hình của TCXH. Ví dụ, việc phân tích quyền lực có thể tiết lộ lý do tại sao một số chính sách được thông qua hay thực thi, ngược lại những chính sách khác thì không. Mặc dù không có cách tiếp cận phù hợp để thay đổi mọi mối quan hệ quyền lực, thực hiện một bản phân tích quyền lực sẽ giúp TCXH phát hiện các hình thức khác nhau của quyền lực ở nhiều bối cảnh nhất định, cách chúng tác động những thay đổi mà tổ chức muốn đạt được và những cơ hội và điểm xuất phát có thể dành cho hành động. Một trong những công cụ toàn diện nhất được nêu dưới đây.

3.1.2.3. Công cụ Khối lập Phương quyền lực:

Phương pháp tiếp cận Khối lập phương quyền lực là một công cụ hữu ích để xác định cấp, không gian và các hình thức của quyền lực và phân tích cách chúng tương tác với nhau. Nó cho phép TCXH thực hiện một phân tích quyền lực toàn diện của bất kỳ bối cảnh hoặc vấn đề nào, giúp tổ chức phát hiện trọn vẹn các mối quan hệ và các lực lượng để tìm ra các điểm tiếp cận VĐCS và phương của khối tổng hợp quyền lực đầy thách thức.





Các dạng thức quyền lực

Hữu hình: các cơ chế ra quyết định có thể quan sát được (ví dụ các cơ quan chính trị, đơn vị lập pháp, các hội đồng địa phương và các diễn đàn);

Ẩn: các quyền lực hình thành và gây ảnh hưởng lên nội dung chính trị phía sau hậu trường;

Vô hình: phương thức mà việc nhận thức quyền và lợi ích của cá nhân được che đậy thông qua việc chấp thuận các ý tưởng, quy định, giá trị và hành vi mang tính áp đặt.

Không gian quyền lực

Không gian đóng: Chỉ có các thành viên của một nhóm đặc biệt nào đó có thể được tham gia;

Không gian mở: mời gọi sự tham gia: Một người/nhóm người thiết lập và kiểm soát không gian này và mời nhóm khác tham gia;

Không gian tự tạo: Người, nhóm người bên ngoài một không gian nào đó tự tạo cho mình một không gian để đáp ứng nhu cầu của mình.

Cấp độ quyền lực

TOÀN CẦU: Sức mạnh và thẩm quyền ở cấp độ toàn cầu hoặc khu vực có thể gây ảnh hưởng tới TCXH;

QUỐC GIA: chính phủ quốc gia vẫn là một điểm tiếp cận quan trọng đối với thay đổi, đặc biệt là đối với môi trường thuận lợi vì HQPT TCXH;

ĐỊA PHƯƠNG: các cấp địa phương của quyền lực có thể khác nhau tùy vào bối cảnh, nhưng đó là những đòn bẩy quan trọng để nắm giữ và thách thức quyền lực.



3.2.1. Hiểu rõ quá trình ra quyết định và hoạch định chính sách

Hệ thống chính sách được xây dựng và thực thi thường trải qua một chu trình gồm các công đoạn khác nhau. Các bên thực hiện quyền muốn thay đổi về chính sách để sửa chữa các lỗi chính sách cũng cần thực hiện theo quy trình nhất định, thông thường bao gồm các bước sau:



Tùy theo mục tiêu thay đổi chính sách, khắc phục các lỗi chính sách, quy trình này có thể dài ngắn khác nhau.

Để tác động lên bên thực hiện quyền hoặc các bên liên quan "trung gian" tác động lên bên thực hiện quyền, TCXH cần tham gia vào tất cả các bước của chu trình này.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 có hiệu lực

thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, chu trình xây dựng chính sách pháp luật của Việt Nam gồm các giai đoạn sau:

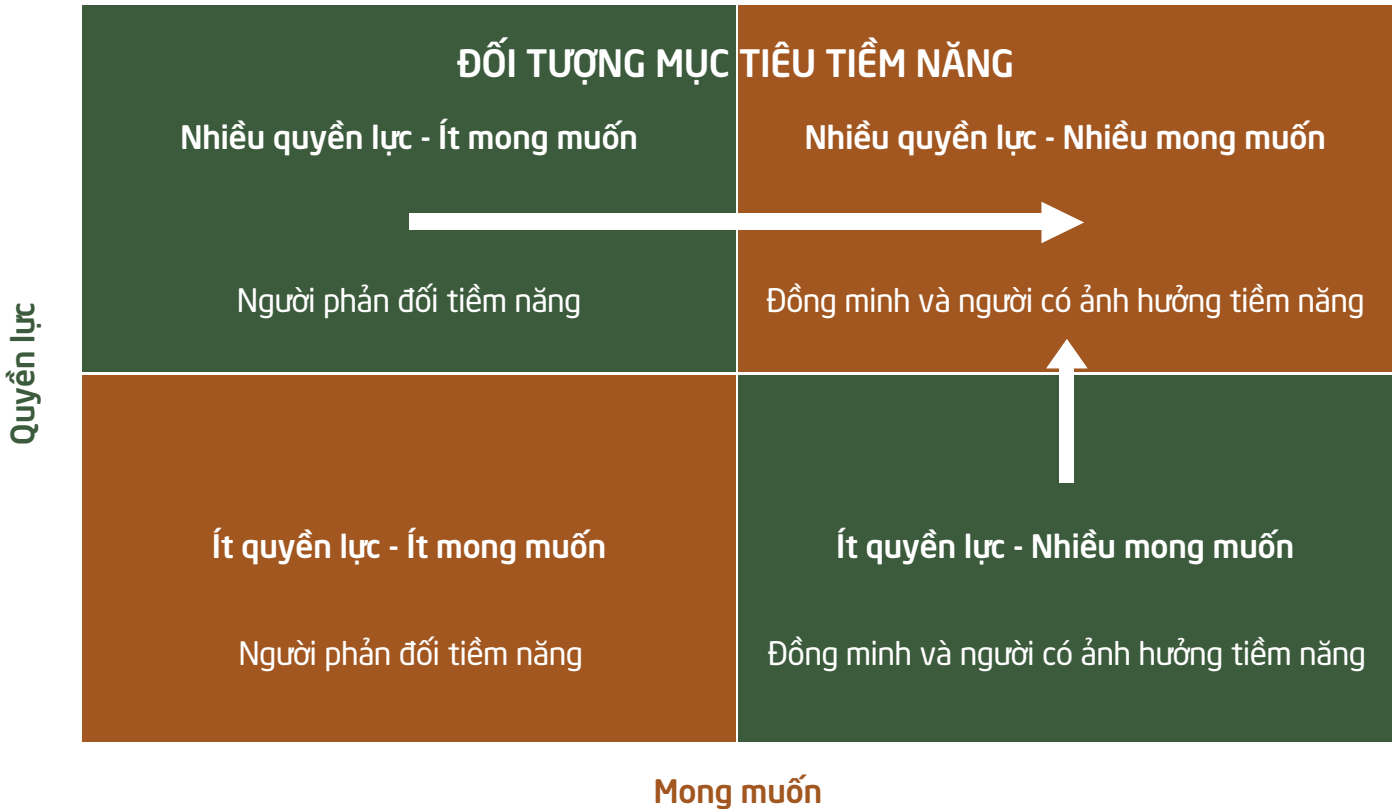
- Sáng kiến xây dựng Luật, pháp lệnh;
- Soạn thảo Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội;
- Thông qua dự án Luật, Pháp lệnh của Quốc hội;
- Thực thi chính sách;
- Đánh giá tác động và hiệu quả chính sách;
- Bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh chính sách.

3.2.2. Xác định các bên liên quan cần tác động

Để xác định các bên liên quan cần tác động, ngoài việc liệt kê các bên liên quan, cần nang giới thiệu thêm một số công cụ hữu ích để phân tích các bên liên quan, gắn kết với việc phân tích quyền lực tại bước 2.

Công cụ ma trận mong muốn - quyền lực Hướng dẫn

Bước 1: Vẽ lại ma trận (theo mẫu dưới) trên bảng giấy



Bước 2: Bổ sung tất cả các bên liên quan. Liệt kê tất cả các nhân tố (tốt nhất là tập trung vào cá nhân hơn là nhóm hay tổ chức) có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi quá trình VĐCS mà TCXH đang dự định thực hiện. Sau khi phác thảo quá trình hoạch định chính sách liên quan đến vấn đề, TCXH đã có thể xác định được một số người ra quyết định ở một số giai đoạn quan trọng của quá trình. Viết tên của mỗi bên cá nhân liên quan một thẻ riêng biệt (hoặc giấy nhắc việc).

Bước 3: Đặt các thẻ vào ma trận dựa trên: (a) mức quyền lực TCXH nhìn thấy để đạt được thay đổi về vấn đề VĐCS và (b) mức độ sẵn lòng họ muốn thực hiện thay đổi mong muốn. Sắp xếp thẻ trên ma trận nên dựa trên bằng chứng (như nghiên cứu, trao đổi, phỏng vấn, quan sát ...) và TCXH nên ghi chú lý do xếp vị trí thẻ (ví dụ Mong muốn chính trị có thể chịu ảnh hưởng bởi định hướng chính trị, niềm tin cá nhân, lợi ích cá nhân ...).

Bước 4: Ma trận giúp TCXH bắt đầu xác định các mục tiêu tiềm năng, các đồng minh, người có ảnh hưởng

và người phản đối căn cứ vào vị trí bạn đặt thẻ. Đối tượng quyền lực nhất (hai vị trí phía trên của ma trận) là mục tiêu chính và cần được ưu tiên. Cũng có các nhân tố ít quyền hơn nhưng cũng có thể làm đảo lộn tạo sự thay đổi bằng cách tác động đối tượng mục tiêu quan trọng (ví dụ như người nổi tiếng, vợ, chồng của các chính trị gia hàng đầu v.v). Đối tượng phản đối tiềm năng nằm bên trái ma trận nên được nhận dạng và các lực lượng gây cản trở, rủi ro cho tiến trình VĐCS.

Bước 5: Ở giai đoạn này, có thể ưu tiên và tập trung nỗ lực vào các nhân tố quan trọng. TCXH cũng có thể làm vậy bằng cách khoanh tròn đối tượng được cho là nhân tố chính. Sau khi lập danh sách thứ tự ưu tiên, có thể bắt đầu thảo luận về những thay đổi mong muốn trong hành vi (hoặc lập trường) và trong hành động của nhân tố chính đối với vấn đề. TCXH có thể hiển thị quỹ đạo của sự thay đổi trực quan trên ma trận. Ví dụ, bạn muốn những đối tượng quyền lực nâng cao nhận thức về vấn đề nhằm thuyết phục họ hành động tích cực. Tiếp theo, có thể phân chia các quỹ đạo của thay đổi vào với các tiến độ mà bạn sẽ:

- **Mong đợi thấy:** thay đổi ngắn hạn xác nhận đối tượng đang tiến triển đúng hướng và hưởng ứng nỗ lực vận động của bạn (ví dụ như nói nhiều hơn về vấn đề, tham gia các cuộc họp liên quan).

- **Muốn thấy:** tiến triển trung đến dài hạn do hoạt động VĐCS và các yếu tố ảnh hưởng khác (ví dụ tiếp cận những đối tượng khác để tác động tích cực về vấn đề).

- **Rất muốn thấy:** thay đổi lâu bền vượt ngoài chu kỳ sáng kiến VĐCS của bạn và đạt được quá trình thay đổi liên tục nhờ các lực lượng ngoài tầm kiểm soát của bạn tác động (ví dụ thay đổi lâu bền trong các mối quan hệ quyền lực vô hình liên quan đến các tiêu chí và giá trị đối với vấn đề).

Bước 6: Nên ghi lại các thông tin này trong kế hoạch VĐCS, vui lòng tham khảo tiến độ của đối tượng mục tiêu về thái độ và hành vi với sự trợ giúp của Nhật ký Kết quả trong Phụ lục 5.

Tìm hiểu đối tượng của TCXH

"Mặc dù những người quyết sách có thể ủng hộ xã hội dân sự và VĐCS công khai, trong thực tế họ tạo ra những rào cản và trì hoãn quá trình chính trị và họ không tín nhiệm các TCXH".

(Cán bộ TCXH, Mê-hi-cô)

Cũng trong phân tích các bên liên quan, rất hữu ích để thu thập thông tin bổ sung cho 'hồ sơ' các đối tượng mục tiêu. Động tác này giúp TCXH tạo nên thông điệp và chiến lược ảnh hưởng sát với họ, quan tâm và niềm tin của họ. TCXH có thể tìm hiểu về mối quan tâm của đối tượng mục tiêu qua nhiều nguồn, kể cả trải nghiệm cá nhân, kinh nghiệm của đồng nghiệp và người khác, trang mạng, thông tin trực tuyến (ví dụ Google...), báo chí, phương tiện truyền thông.

TCXH nên tập trung phân tích những điều sau đây

- Họ biết gì về vấn đề: Đánh giá hiểu biết cơ bản của họ luôn quan trọng đối với hoạt động nâng cao nhận thức. Họ có tiếp cận thông tin thực tế và nghiên cứu về vấn đề này? TCXH đã chia sẻ thông tin gì với họ?

- Thái độ của họ đối với vấn đề: Bạn nên nhớ thái độ và niềm tin là hình thức quyền lực ẩn có ảnh hưởng rất quan trọng đối với VĐCS. Đối tượng mục tiêu có hỗ trợ vấn đề không? Ai và/hoặc những mối quan tâm nào hình thành thái độ của họ đối với vấn đề?

- Thái độ đó được định hình bởi chính họ và lập trường của họ? (ví dụ niềm tin cá nhân, tôn giáo, chính trị...)? Cái gì hay ai có thể ảnh hưởng đến thay đổi trong thái độ của họ đối với vấn đề?

Những gì họ thực sự quan tâm: Tìm hiểu về các nội dung ẩn rất có ích vì việc đó có thể làm nên hoặc phá hỏng chiến lược VĐCS. Những nội dung này có thể không trực tiếp liên quan đến vấn đề. Ví dụ, hầu hết các chính trị gia (trong hệ thống chính trị dân chủ) rất quan tâm đến tái cử, trong khi hầu hết phóng viên chỉ tập trung đến các nội dung để hấp dẫn độc giả. Đối tượng mục tiêu không tác động để tránh đồng nghiệp quyền lực của họ? Họ muốn thu hút thêm tài trợ nước ngoài và do đó, không sẵn sàng thể hiện lập trường về vấn đề của bạn? Có xung đột lợi ích không? (ví dụ họ có phần trong doanh nghiệp tư nhân, có kết nối với các phương tiện truyền thông...)? Một khi đã nắm rõ các mối quan tâm của đối tượng mục tiêu, TCXH có thể thúc đẩy thay đổi nhờ xây dựng chiến lược dỡ bỏ các rào cản và gây áp lực nơi cần thiết.

Thông điệp có thể được hiểu là các nội dung thông tin chính được chuyển tải bằng nhiều hình thức khác nhau một cách nhất quán tới các nhà ra quyết định về chính sách, bên thực hiện quyền nhằm tạo ảnh hưởng đến các quyết định về chính sách liên quan đến việc đảm bảo các tiêu chuẩn tối thiểu cho môi trường phát triển thuận lợi cho TCXH.

Một thông điệp tốt bao gồm các nội dung sau:

- **Tiếng nói của TCXH:** quyền của TCXH hay các tiêu chuẩn tối thiểu cho môi trường phát triển của TCXH nào chưa được đảm bảo? Tác động thế nào? Nguyên nhân gì? Do vấn đề chính sách gì?

- **Thông tin/bằng chứng chứng minh, tính cấp bách, cần thiết phải thay đổi chính sách.** TCXH cần bằng chứng vững chắc về nguyên nhân và hậu quả của rào cản hoặc các điều kiện không thuận lợi mà tổ chức đang giải quyết và bằng chứng về tính khả thi của các giải pháp TCXH đề xuất. Nghiên cứu tốt, đặc biệt là nghiên cứu có sự tham gia, sẽ giúp củng cố tính chính danh và làm bằng chứng vững chắc cho tiến trình VĐCS.

Các giải pháp chính sách ra sao? Chính sách nên được chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng mới hay thực hiện như thế nào?

Các thông tin khác mà người ra quyết định muốn biết/có ảnh hưởng đến người ra quyết định: sự ủng hộ của các chính sách, luật pháp, chương trình quốc gia/địa phương, sự ủng hộ của đại chúng, sự đồng thuận của các cơ quan liên quan, các tác động của sự thay đổi chính sách.

TCXH cần xây dựng thông điệp VĐCS tổng quát, tuy nhiên với mỗi đối tượng mục tiêu có thể có các nội dung bổ sung khác nhau. Đi song hành với việc xây dựng thông điệp VĐCS, các tổ chức cần xác định cách thức/ hoạt động để có thể truyền tải thông điệp tới đối tượng mục tiêu.

Các nguyên tắc trong xây dựng thông điệp:

- 1. Biết rõ đối tượng mục tiêu:** Tìm hiểu những gì họ biết, họ quan tâm, giá trị và ưu tiên của họ và ngôn ngữ mà họ sử dụng.
- 2. Biết môi trường chính trị và thời điểm:** Các cuộc tranh luận lớn, những vấn đề lớn và những lo ngại trong bối cảnh của bạn là gì? Chúng tác động đến thông điệp của bạn như thế nào?
- 3. Tin nhắn đơn giản và ngắn gọn:** Hãy chắc chắn rằng người không biết về chủ đề cũng hiểu được thông tin. Tránh biệt ngữ. Điều này đặc biệt quan trọng khi vận động một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến hiệu quả phát triển TCXH.
- 4. Sử dụng những câu chuyện đời thực và các trích dẫn:** yếu tố con người làm cho một vấn đề trở thành hiện thực. Trích dẫn và chuyện đời người gọi đến những thách thức mà những người trực tiếp bị tác động phải đối mặt. Chúng cũng giúp làm cho thông điệp liên quan đến địa điểm thông qua việc truyền tải thông tin liên quan đến bối cảnh địa phương và do đó dễ hiểu hơn cho đối tượng mục tiêu.
- 5. Sử dụng ngôn ngữ chính xác, mạnh mẽ và động từ chủ động**
- 6. Sử dụng các sự kiện và con số chính xác và Sáng tạo:** Các dữ kiện bạn chọn và cách trình bày làm cho vấn đề của bạn rất quan trọng. Cách nói "Cứ 3 phụ nữ thì có 1" hiệu quả hơn là "hơn 30% phụ nữ ..." truyền tải tuy cùng một dữ kiện nhưng rõ ràng hơn.
- 7. Thích ứng thông điệp với phương tiện truyền thông:** Mỗi phương tiện có khả năng và hạn chế. Ví dụ, âm thanh, tiếng nói và nền tiếng động rất quan trọng khi truyền đạt thông điệp trên radio, trong khi tận dụng các yếu tố hình ảnh của thông điệp rất quan trọng trên truyền hình và trên internet.
- 8. Cho phép đối tượng mục tiêu hiểu theo cách riêng:** Nên đưa các chi tiết cơ bản bởi vì quá nhiều thông tin có thể trở thành giáo điều và làm loãng sự chú ý của đối tượng.
- 9. Khuyến khích đối tượng mục tiêu hành động:** Bạn phải rõ ràng về những hành động của đối tượng mục tiêu (chính) hoặc của cộng đồng nói chung hỗ trợ cho sự nghiệp của bạn. Đưa ra các kiến nghị thẳng thắn như "hỗ trợ dự luật TCXH trong Quốc hội", "ký kiến nghị trực tuyến của chúng tôi".
- 10. Trình bày một giải pháp khả thi:** Luôn truyền đạt tới đối tượng mục tiêu nội dung kiến nghị để cải tiến chính sách cho TCXH tốt hơn. Ví dụ: "Chính phủ cần phải thể hiện cam kết đối với xã hội dân sự như là nhân tố phát triển quan trọng bằng cách ban hành chính sách mới và các quy định kinh phí thích hợp dành cho TCXH".

Công cụ số tay Hỏi - Đáp

Sau khi xây dựng được thông điệp cốt lõi và đặc thù, rất có ích nếu xây dựng SỔ TAY “HỎI & ĐÁP” (còn gọi là bảng hỏi và trả lời) trước khi gặp tay đôi những người quyết sách hoặc chuyển thông điệp đến các phương tiện truyền thông. Sổ tay này có thể là một tài liệu hữu dụng cho nội bộ. Nó tạo điều kiện cho mọi người tham gia vào VĐCS, đưa ra các câu trả lời rõ ràng, chính xác và phù hợp cho các câu hỏi phổ biến, đặc thù, gây tranh cãi hoặc dai dẳng nhất. Có thể sử dụng sổ tay này khi giao tiếp với đồng nghiệp, đối tượng mục tiêu, chuyên gia kỹ thuật, tổ chức đồng đẳng và các giới truyền thông.

Hướng dẫn

Cùng các đồng nghiệp, TCXH hãy lên danh sách các câu hỏi thường gặp xung quanh vấn đề VĐCS của tổ chức. Đặc biệt chú ý đến các tranh cãi liên quan đến vấn đề mà VĐCS có thể giải quyết được và những điểm mọi người có vẻ sẽ yêu cầu tổ chức nhận xét hay đánh giá.

1. Dự thảo câu trả lời ngắn (trong khoảng một hoặc hai đoạn). Nên dùng từ cẩn thận, dễ hiểu, rõ ràng và đầy đủ. Lý tưởng nhất là các câu trả lời không cần giải thích thêm. Vì lý do này, nên thử các câu trả lời với bên ngoài (hoặc người trong gia đình) trước để họ giúp bạn biên soạn đúng mục.

2. Sổ tay “HỎI & ĐÁP” là một tài liệu sống. Cần nhiều bản thảo, góp ý để hoàn thiện cuốn sổ tay này và thường xuyên cập nhật sau các hoạt động VĐCS và phỏng vấn truyền thông những người khác nhau có thể đóng góp vào các câu trả lời. Nó sẽ được cập nhật thường xuyên và khi tiếp tục phản ứng nhận được các hoạt động vận động và các phương tiện truyền thông sau cuộc phỏng vấn.

3.4. Bước 4: Truyền tải thông điệp

Có nhiều cách truyền tải thông điệp và yêu cầu vận động (kiến nghị thay đổi chính sách và thực tiễn) tới đối tượng khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh của TCXH. Tốt nhất nên đánh giá phương pháp và chiến thuật hiệu quả nhất dựa căn cứ vào tình hình chính trị trong bối cảnh của TCXH, văn hóa, truyền thống và những rủi ro mà bạn có thể phải đối mặt khi phát ngôn vấn đề VĐCS.

Cần những điểm sau khi nghĩ đến truyền tải thông điệp có thể giúp ích cho bạn:

Nguồn: Đối tượng mà người nhận thông tin sẽ phản hồi và thấy đáng tin cậy

Định dạng: Sử dụng cách nào để truyền đạt thông điệp đạt hiệu quả tối đa? Ví dụ, một bức thư, gặp mặt, viết bài về chính sách, báo cáo, tờ rơi, mẫu quảng cáo, hội nghị cấp cao hay một tài liệu hoặc kết hợp các dạng trên?

Thời điểm: Thời điểm nào truyền tải thông điệp là tốt nhất? TCXH có thể tính thời điểm cho thông điệp của mình trong quá trình ra quyết định hoặc trong vận động sáng kiến không? Có thể chọn trùng với một lễ kỷ niệm liên quan hoặc một ngày lễ của đất nước lấy mốc cho một vấn đề liên quan? TCXH cần phải tận dụng các cơ hội thích hợp trong quá trình VĐCS. Thời điểm là đặc biệt quan trọng khi hoạch định chiến lược truyền thông.

Địa điểm: Có vị trí hoặc địa điểm nào để truyền tải thông điệp mà có thể nâng cao uy tín ảnh hưởng chính trị không? Ví dụ, một sự kiện bên lề tại hội nghị quốc tế hoặc buổi thuyết trình tại Quốc hội hoặc tại một học viện uy tín liên quan đến các vấn đề xã hội dân sự.

Kênh VĐCS: Có rất nhiều phương pháp và hoạt động có thể sử dụng trong VĐCS, tuy nhiên, với mục đích, mục tiêu và bối cảnh khác nhau, TCXH cần lựa chọn kênh VĐCS phù hợp để đưa mục tiêu vận động của mình tới người có quyền quyết định chính sách liên quan.

Một số kênh VĐCS bao gồm:

Phương pháp	Mô tả	Cách sử dụng	Ví dụ hoạt động
Tập hợp, kết nối mạng lưới	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp và xây dựng liên minh với nhiều người, nhiều tổ chức khác nhau - Cùng vận động thay đổi 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho các hoạt động VĐCS mang tính dài hạn và đảm bảo tính bền vững của hoạt động - Khi tổ chức đơn lẻ không đủ khả năng về số lượng hoặc kinh nghiệm, năng lực 	<ul style="list-style-type: none"> - Gặp gỡ các nhà lãnh đạo cộng đồng - Chia sẻ thông tin qua các buổi gặp gỡ, sự kiện, qua bản tin, diễn đàn, thư điện tử, v.v.. - Tham gia các hội thảo tham vấn
Vận động hành lang	Tiếp cận và thuyết phục trực tiếp các đối tượng mục tiêu, giải thích vấn đề và đề xuất hướng giải quyết	Khi đối tượng mục tiêu tương đối thoải mái, sẵn sàng lắng nghe ý kiến có có tư duy thay đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các buổi gặp gỡ, điện thoại, email - Gửi các văn bản ngắn - Gặp gỡ công khai (tại nơi làm việc, tại nhà, ...)
Đàm phán - đối thoại chính sách	Trực tiếp trao đổi về vấn đề - đôi khi đưa ra cả các quyết định về vấn đề	Khi hai bên có thể quyền lực tương đối ngang bằng trong không gian tự tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đối thoại chính sách - Diễn đàn công
Nâng cao nhận thức	Truyền thông về vấn đề với công chúng để họ nhận thức được vấn đề (Thông thường đây là bước đầu tiên khi thực hiện VĐCS)	Khi thông tin không được công khai Khi vấn đề tương đối phức tạp Để xây dựng sự tự tin và sự tin tưởng của công chúng	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn - Hội thảo - Băng rôn, áp phích
Sử dụng phương tiện truyền thông	Sử dụng các phương tiện truyền thông như truyền thanh, truyền hình, báo chí	Khi tổ chức không thể hoặc khó tiếp cận trực tiếp với những nhà hoạch định chính sách	<ul style="list-style-type: none"> - Các bài báo/ thông cáo báo chí - Phóng sự truyền thanh/ truyền hình

3.4.1. Xây dựng liên minh để tăng cường tiếng nói

Liên minh thường là sự hợp tác ngắn hạn giữa các thành viên và tập trung vào một mục tiêu cụ thể. Bị giới hạn về thời gian và mục đích, các liên minh có xu hướng đòi hỏi ít từ các thành viên.

Mạng lưới có xu hướng là các hiệp hội hoạt động linh hoạt hoặc nhóm tập hợp lại có chung một mối quan tâm hoặc lợi ích hoặc các sáng kiến tập thể định kỳ nhằm thúc đẩy việc chia sẻ thông tin và ý tưởng.

Các lưu ý khi lập liên minh VĐCS cho môi trường phát triển thuận lợi:

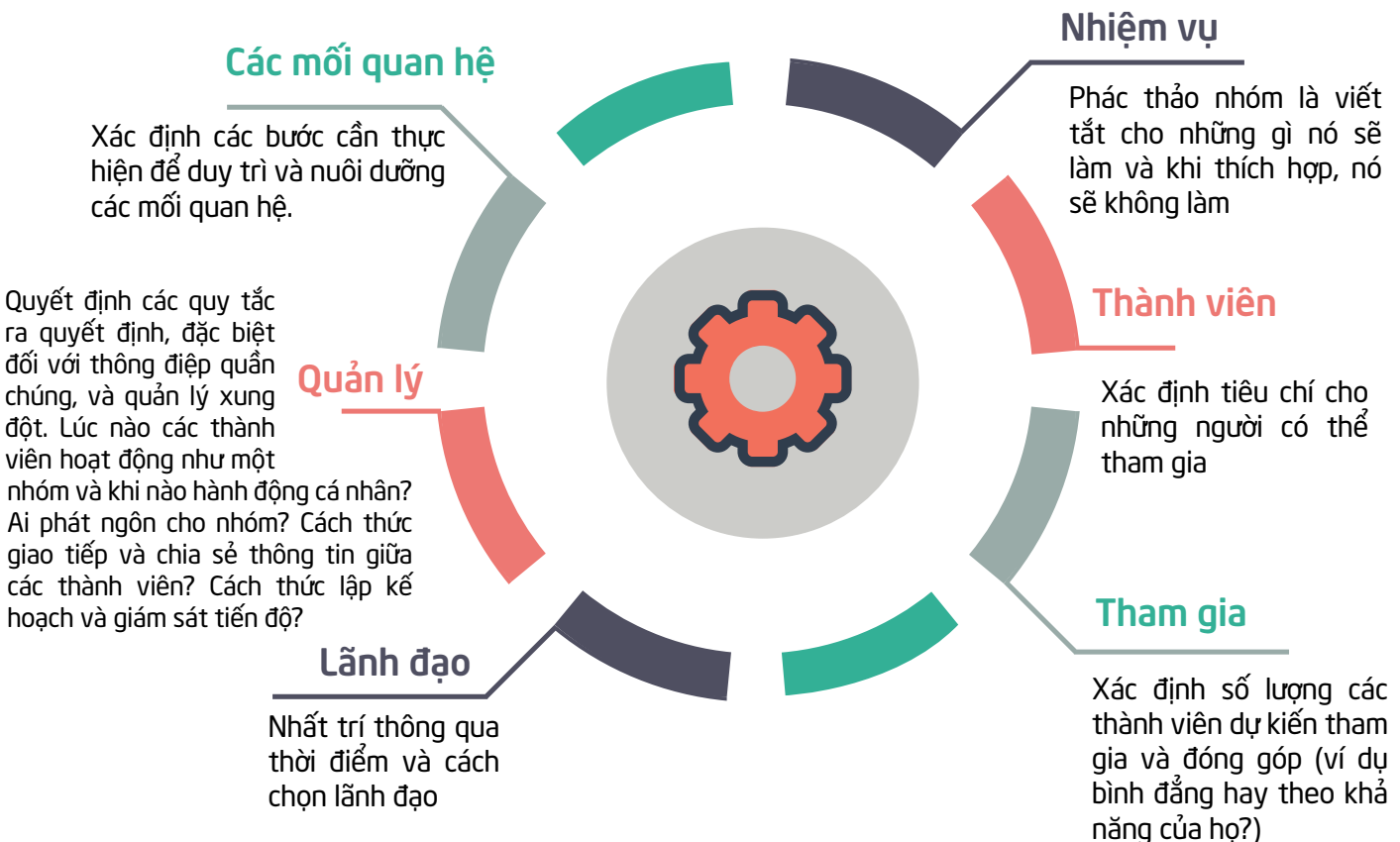
- Hãy chắc chắn rằng vấn đề vận động là tâm điểm của liên minh;
- Có một quy trình rõ ràng để đồng thuận các thông điệp chính của liên minh, kể cả nếu cần xây dựng khung chính sách chung hoặc chương trình để thống nhất liên minh;
- Xây dựng các tiêu chí thành viên và cơ chế vì mục đích bền vững và thu nhận thành viên mới;
- Quyết định việc liên minh sẽ làm và sẽ không làm;
- Nếu liên minh lớn, hãy lập ban điều hành.

“Một chiến dịch vận động thành công phụ thuộc rất nhiều vào sự cố gắng, thống nhất và sự kiên trì của các TCXH đồng minh”

(Nhà hoạt động TCXH, Hội đồng Y tế và Phát triển, Phi-líp-pin)

Công cụ - xây dựng một biên bản tìm hiểu hoặc một nền tảng chung

Một bản ghi nhận hoặc tài liệu khuôn mẫu phổ biến là một nền tảng rất quan trọng để thiết lập các mục tiêu, nhiệm vụ, các giá trị và nguyên tắc hướng dẫn của liên minh. Nên bao gồm trong đó công tác quản lý hàng ngày, các vấn đề về lãnh đạo và trách nhiệm. Bản ghi nhớ cần giải quyết các lĩnh vực như dưới đây. Bạn cũng có chỉnh sửa các lĩnh vực nhu cầu của bạn.



3.4.2. Vận động hành lang:

Thuật ngữ 'vận động hành lang' xuất phát từ 'hành lang' để cập đến khu vực lối vào hoặc địa điểm gặp gỡ. Trong trường hợp của VĐCS, nó đề cập đến trao đổi một-đối-một và/hoặc các cuộc họp nơi người ta có thể tiếp cận và tìm cách thuyết phục những đối tượng quyền lực. Vận động hành lang đối với những người quyền lực, hoặc những người có tầm ảnh hưởng đối với những người quyền lực có thể diễn ra dưới nhiều hình thức, từ cuộc trò chuyện không chính thức trong đời sống (ví dụ như ăn trưa hay uống cà phê) đến cuộc họp chính thức (như trong văn phòng). Tiếp cận trực tiếp người ra quyết định là một phần quan trọng của mọi hoạt động VĐCS thành công, nhưng không phải trong mọi hoàn cảnh và cần chọn thời điểm để đảm bảo thành công. TCXH cần xác định thời điểm và liệu vận động hành lang có đúng là phương pháp thích hợp để truyền tải thông điệp trong trường hợp đó không.

Về cơ bản, vận động hành lang nhằm giáo dục và thuyết phục đối tượng để hỗ trợ và thúc đẩy vấn đề. Vận động hành lang là một nghệ thuật, không phải là một khoa học. Cuối cùng, các qui định và giá trị xã hội là các nguồn ảnh hưởng nhiều nhất đến cách thức VĐCS.

Mỗi người vận động hành lang thành công đều phát triển một phong cách riêng hiệu quả trong hoàn cảnh và điều kiện cụ thể. Nếu được, nên được tự liên kết với những người có kinh nghiệm về vận động hành lang trước khi tiếp cận các chính trị gia hoặc quan chức. Họ có thể đã có kinh nghiệm về đối tượng mục tiêu và có thể tư vấn cách tiếp cận tối ưu.

3.4.3. Đàm phán - đối thoại chính sách

Đàm phán - đối thoại chính sách nằm ở trung tâm VĐCS. Đàm phán được định nghĩa là quá trình giải quyết xung đột hoặc các vấn đề khi những điều TCXH muốn bị người khác nắm quyền kiểm soát. Thông qua đàm phán, các bên liên quan tìm cách nhất trí một giải pháp chung khi đương đầu với môi trường chính trị thù địch hoặc tình huống xung đột, thỏa hiệp gần như không thể. Trong trường hợp thuận lợi hơn, đàm phán là một con đường rất hữu ích để thúc đẩy vấn đề thông qua những người quyền lực. Mọi đàm phán đều dựa trên các giá trị xã hội, thông thường trong bối cảnh quyền lực không đồng đều, các hình thức thiên vị không bị phát hiện (sức mạnh vô hình định hình bởi giai tầng, dân tộc, tuổi tác, giới tính và các yếu tố khác).

Trước đàm phán, sẽ hữu ích nếu:

- **Chuẩn bị sẵn sàng:** mang gì vào bàn đàm phán? TCXH có gì mà các nhóm khác muốn/cần? TCXH biết gì về bên/nhóm kia và biết gì về tình hình có thể tận dụng để tác động lên họ (dựa trên phân tích các bên liên quan)? Điểm yếu của bạn?
- **Tìm hiểu càng nhiều càng tốt:** tận dụng các thông tin thu thập được trong quá trình VĐCS cả đối với đối tượng đàm phán và thông tin cho lập luận của TCXH. Hãy đặt mình vào vị trí của bên kia, xem họ lập luận và giữ vững quan điểm thế nào?
- **Vạch ra các kịch bản đàm phán:** Xác định kết quả đàm phán. Khoảng kết quả sau đàm phán là gì? Kết quả tối thiểu mà tổ chức có thể chấp nhận? Kịch bản xấu nhất có thể xảy ra? Có giải pháp thay thế nào không? Các lựa chọn của bên kia là gì? Hạn chế của họ và kết quả họ mong muốn sau đàm phán? Nếu có thể và phù hợp hãy đưa các đồng minh có tầm ảnh hưởng cùng đi đàm phán.

Một số quy tắc vận động hành lang cơ bản:

- *Nuôi dưỡng mối quan hệ lâu dài, tốt đẹp với những người ra quyết định tiềm năng nhưng đừng ngại tiếp cận để tác động - và không để mối quan hệ tốt đẹp ngăn bạn hành động khi cần thiết và thích hợp.*
- *Tìm ra các điểm chung có thể thực hiện thay đổi.*
- *Khi còn có thể, đề nghị luôn hơn là chống/phản đối.*
- *Tìm cách tạo vị thế cho mình như một nguồn chứng cứ tin cậy và tư vấn chính sách liên quan đến vấn đề VĐCS*
- *Tạo uy tín khi uy tín mai một*
- *Để tránh hiểu lầm không cần thiết với đối tượng mục tiêu, hãy giải thích phương thức VĐCS của tổ chức, nhất là khi đó chiến lược bao gồm cả thuyết phục và gây áp lực.*
- *Khi thích hợp hãy thông tin trước cho đối tượng mục tiêu về hoạt động truyền thông và vận động quần chúng, và chia sẻ vấn đề trước khi phát hành.*
- *Không nên mong đợi đạt được thay đổi chỉ sau một cuộc họp hoặc một lá thư.*

3.4.4. Kết nối với giới truyền thông

Nếu muốn nâng cao nhận thức về vấn đề của tranh thủ sự ủng hộ từ công chúng và tăng áp lực lên người ra quyết định, có thể cân nhắc việc hợp tác với giới truyền thông. Các mạng xã hội (Facebook, Twitter và blog) cũng là một lựa chọn để truyền tải thông điệp. Dưới đây là một số bước quan trọng để kết nối với giới truyền thông:

Lên danh sách các phương tiện truyền thông: xác định các phương tiện truyền thông liên quan (báo, đài, truyền hình), đặc biệt các phương tiện có thể gây ảnh hưởng đến đối tượng mục tiêu và tìm ra người phụ trách liên quan và tốt nhất là người đã từng đảm nhiệm việc tương tự.

Soạn thảo thông cáo báo chí hoặc thư gửi tòa soạn phác thảo câu chuyện truyền tải thông điệp VĐCS của TCXH. Thông cáo báo chí thường được đưa ra để đánh dấu khởi đầu (ví dụ lễ sự ra mắt Khung hiệu quả ở nước bạn) hoặc một sự kiện.

Liên hệ với truyền thông giới: ít nhất một tuần trước sự kiện hoặc tại các thời điểm quan trọng trong quá trình vận động, gửi thông cáo báo chí tới mọi địa chỉ trong danh sách truyền thông thông của TCXH. Tập trung câu chuyện và thông điệp VĐCS với các nhà báo nhiệt tình đã từng có kinh nghiệm về vấn đề hoặc những người đặc biệt quan tâm.

Liên lạc với các đơn vị truyền thông để xác nhận thông tin đã tới nơi, và khi liên lạc được với họ, hỏi xem họ có thời gian cho bạn ý tưởng về vấn đề/câu chuyện của bạn. Hỏi họ xem có quan tâm đến câu chuyện của tổ chức bạn và có gợi ý gì không.

Hướng dẫn chuẩn bị một thông cáo báo chí:

- Hãy rõ ràng về nội dung thông điệp muốn truyền tải: xác định 3-4 thông điệp rõ ràng và cụ thể
- Ngắn gọn: lý tưởng là một trang và không bao giờ quá hai trang
- Sử dụng ngôn từ chính xác, rõ ràng, động từ chủ động
- Tránh sử dụng ngôn từ quá chuyên môn
- Sử dụng trích dẫn làm lập luận của TCXH mạnh mẽ hơn
- Bao gồm các khuyến nghị và kêu gọi hành động
- Ưu tiên thông tin quan trọng nhất lên đầu và để lại thông tin nền tảng chung cuối cùng
- Đính kèm đường dẫn/link để biết thêm thông tin.
- Tham dự phỏng vấn: Sau khi câu chuyện được đăng tải, có thể có phỏng vấn tiếp theo. Đây là lúc dùng đến Sổ tay "HỎI & ĐÁP". Công cụ "Thông điệp một phút" dưới đây cũng có thể giúp ích.

Trong khi phỏng vấn hãy đảm bảo:

- Phát ngôn thật lòng
- Bình tĩnh - hãy nhớ bạn biết nhiều về vấn đề hơn nhà báo.
- Trả lời ngắn gọn, sử dụng ngôn từ đơn giản và không sử dụng từ tắt hay biệt ngữ.
- Sáng tạo, hãy vẽ một bức tranh như "hãy tưởng tượng việc gì xảy ra khi ... "
- Không bao giờ trả lời một cách vội vàng, nếu cần thêm thời gian chỉ cần lặp lại câu hỏi.
- Đừng bịa chuyện. Nếu không biết hãy nói không biết.
- Không lạc đề và luôn đưa phóng viên trở lại thông điệp chính của bạn. Có thể sử dụng một số cụm từ 'câu nối' để làm điều đó (ví dụ: "Tôi nghĩ rằng những gì bạn nói đến rất quan trọng, nhưng vấn đề chính là ... ", "chúng tôi thực sự cần tập trung vào ... ", "vấn đề thực sự ở đây là ... ", "nghiên cứu cho chúng ta biết là ... ", "điều cần ghi nhớ là ... ", "nhưng ... "v.v)
- Không để phóng viên ấn định nội dung chương trình và thông điệp.
- Cảm ơn các phóng viên: Sau khi câu chuyện được đăng tải, liên hệ với các phóng viên và cảm ơn họ đã dành thời gian và chia sẻ thông điệp với công chúng. Thiệp viết tay đơn giản hoặc e-mail là một cử chỉ đẹp.

Công cụ - Thông điệp 1 phút

Rất hữu dụng nếu có thể tóm gọt gọn và truyền tải thông điệp chính trong ba hoặc bốn câu văn súc tích, hoặc “ăn tiếng”. Việc này rất hiệu quả khi phỏng vấn trên truyền hình hoặc đài phát thanh vì phát biểu thường bị chỉnh xuống tối đa là 30 giây, hoặc trong trường hợp các cuộc họp bất ngờ với người ra quyết định chủ chốt như gặp mặt Ban-Ki-Moon trong thang máy! Đó gọi là “Thông điệp một phút”, bao gồm:

- **Tuyên bố:** Ý tưởng trung tâm của thông điệp
- **Bằng chứng:** Củng cố tuyên bố bằng dữ kiện và số liệu dễ hiểu
- **Minh họa:** Thêm khuôn mặt con người vào thông điệp
- **Hành động mong muốn:** Những gì bạn muốn đối tượng mục tiêu hành động

Sử dụng truyền thông xã hội

“Truyền thông xã hội” ngày càng phát triển đang mở ra một hình thức mới là ‘hoạt động kỹ thuật số’. Để có thể hiểu cách thức sử dụng các công cụ này trong VĐCS, hãy xem xét 4 yếu tố tạo nên truyền thông xã hội:

Nội dung: Các công cụ truyền thông xã hội cho phép mọi người (những người có thể truy cập internet) tạo nội dung truyền thông đa phương tiện của riêng mình. ‘Nội dung do người sử dụng tạo ra’ là tâm điểm của hầu hết các phương tiện truyền thông xã hội, có thể rất hiệu quả, đặc biệt là trong xã hội áp bức. Nó dẫn đến viết ‘blog’ bình luận chính trị và ‘báo chí công dân’ nơi phóng viên không chuyên có thể viết bài và nhận xét về vụ việc đang xảy ra, đặc biệt trong các tình huống khủng hoảng.

Cộng tác: Truyền thông xã hội tạo điều kiện thuận lợi tập hợp các hành động cá nhân đơn lẻ thành kết quả tập thể có ý nghĩa. Điều này thực hiện được nhờ ‘trò chuyện’, ‘cùng sáng tạo’ và ‘hành động tập thể’. Trò chuyện trực tuyến lưu thông thông tin như virus cho phép truyền tải thông điệp nhanh chóng đến nhiều người. Cùng sáng tạo nghĩa là nhiều người sử dụng cùng đóng góp nội dung - đẩy mạnh cộng tác và bắt đầu hình thành ‘hợp tác kỹ thuật số’. Hành động tập thể tiến xa hơn một bước bằng gắn kết trực tuyến với hành động có ý nghĩa như ký kiến nghị trực tuyến, gây quỹ hay tổ chức phản đối offline hoặc sự kiện. Những dạng thức hoạt động kỹ thuật số này có thể mở tạo tiếng vang lớn và gây ảnh hưởng tới tiến trình ra quyết định chính sách.

Cộng đồng: Truyền thông xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác bền vững trong “cộng đồng” trực tuyến quanh ý tưởng chung, vượt biên giới theo thời gian. Tuy nhiên, không thể có một cộng đồng trực tuyến sôi động nếu không có gì vì người ta chỉ đến với nhau (online hay offline) khi vấn đề có ý nghĩa với họ. Để huy động sự ủng hộ của công chúng đối với vấn đề, CSOs có thể tập trung xây dựng một cộng đồng trực tuyến xung quanh một sự kiện hay chiến dịch cụ thể.

Trí tuệ tập thể (Collective Intelligence):

Mạng xã hội cho phép không chỉ tập hợp hành động cá nhân mà còn để xử lý các thông tin (bằng cách sử dụng các thuật toán phức tạp) và tận dụng chúng theo ý của bạn.

Liên kết hữu ích:

www.facebook.com

<http://twitter.com/>

Minh họa về các phương tiện truyền thông xã hội

Blogging (www.wordpress.org)

Micro-blogging (www.twitter.com)

Chia sẻ video (www.youtube.com)

Hình ảnh chia sẻ (www.flickr.com)

Podcasting (www.blogtalkradio.com)

Tra cứu bản đồ (www.maps.google.com)

Mạng xã hội (www.facebook.com)

Biểu quyết xã hội (www.digg.com)

Xã hội đánh dấu trang (www.delicious.com)

Lifestreaming (www.friendfeed.com)

Wikis (www.wikipedia.org)

Vận động hỗ trợ quần chúng

Vận động hỗ trợ quần chúng đối với một vấn đề có thể rất hiệu quả nhưng đôi khi rất nguy hiểm. Sức mạnh của công chúng nhằm gây ảnh hưởng đến người quyết sách ở các nước là rất khác nhau. TCXH sẽ đánh giá được cách thức này có phải là tối ưu hay không khi áp dụng trường hợp của bạn vào đúng bối cảnh. TCXH sẽ phải thực tế về cách thức huy động sự ủng hộ của quần chúng và kết quả họ giúp TCXH đạt được.

Có nhiều cách để huy động quần chúng, từ viết thư tay, đơn kiến nghị cho đến các hoạt động tượng trưng (như vây cò), phản đối và biểu tình công cộng. Nếu lựa chọn huy động sức mạnh quần chúng, tổ chức sẽ phải quyết định phương thức nào là phù hợp và hiệu quả nhất trong bối cảnh của mình. Hãy chắc chắn rằng TCXH đã thực hiện phân tích rủi ro (xem ở dưới) trước khi thực hiện bất cứ hành động nào có thể gây nguy hại đến an toàn cho đối tác và đồng minh/ liên minh.

3.5. Bước 5: Đánh giá và quản lý rủi ro

Thách thức quyền lực thông qua VĐCS hàm chứa rủi ro, trong một số trường hợp có thể dẫn đến phản ứng dữ dội và xung đột. Mặc dù đôi khi không tránh được, quan trọng là phải cân nhắc các rủi ro, thách thức và tình huống tiêu cực khi lập kế hoạch VĐCS và trước khi tham gia vào bất kỳ hoạt động vận động. Phải thừa nhận rằng các chiến dịch hiệu quả đều phải chấp nhận rủi ro, nhưng việc thực hiện đánh giá rủi ro toàn diện luôn giúp lựa chọn các chiến lược vận động và tìm cách giảm đối với tổ chức, nhân viên, tình nguyện viên, các nhà hoạt động và đối tác của TCXH.

Công cụ phân tích rủi ro

Hướng dẫn

1. Hãy cùng đồng nghiệp tư duy tìm ra những rủi ro tổ chức có thể phải đối mặt khi thực hiện mục tiêu VĐCS. Những việc quan trọng nào có thể bị sai sót và cuộc sống của nhiều người bị ảnh hưởng tiêu cực như thế nào? Các hoạt động có thể tạo phản ứng tiêu cực và đặt tổ chức, nhân viên và đối tác của bạn vào nguy hiểm? Bản chất của những rủi ro này là gì và chúng khác nhau đối với các bên liên quan khác nhau không?

2. Sau khi xác định các rủi ro chính, hãy nghĩ đến mức độ tác động có thể có đối với tổ chức (về danh tiếng, vị thế, tài trợ, vận hành), nhân viên, tình nguyện viên và những người khác nữa. Hãy cân nhắc các tiêu chí gợi ý dưới đây:

Cao: tác động như thảm họa đe dọa sự tồn tại tương lai của tổ chức, nhóm hoặc người dân vào vòng nguy hiểm hoặc có thể dẫn đến việc đảo lộn vấn đề TCXH đang cố gắng để thay đổi

Trung bình: một số thiệt hại trong ngắn hạn nhưng chút ít hậu quả dài hạn

Thấp: một tác động dễ thấy tác động chút ít lên tổ chức, người dân hoặc chương trình VĐCS của bạn.

3. Tiếp theo hãy xác định rủi ro hoặc tình huống tiêu cực sẽ có thể xảy ra thế nào? Quyết định mức độ của nó ra sao: Cao - Trung bình - Thấp

4. Đối với các rủi ro có tầm ảnh hưởng cao và khả năng xảy ra cao, cũng như một số rủi ro cấp trung bình, CSOs nên thảo luận và phát triển các chiến lược rõ ràng để giúp giảm thiểu tác động hoặc tránh loại bỏ nếu có thể. Hãy cân nhắc tổ chức có thể làm gì để giảm thiểu rủi ro cho tổ chức / nhóm, người dân và tổ chức nếu việc VĐCS không vận hành theo kế hoạch? Cần gì để thay thế? Ai sẽ có thẩm quyền hành động? Việc phân tích rủi ro cần được rà soát định kỳ khi hoạt động VĐCS tiến triển và kết quả ngoài dự tính cần được xem xét.

3.6.

Bước 6: Củng cố kế hoạch và theo dõi tiến độ

Phát triển kế hoạch VĐCS

Kế hoạch VĐCS phải tổng hợp được tất cả các thông tin từ quá trình lập kế hoạch. Bộ công cụ gợi ý một mẫu xây dựng kế hoạch VĐCS ở phụ lục. Đây chỉ là một gợi ý vì có vô số cách xây dựng kế hoạch vận động. Tuy nhiên, kế hoạch nhìn chung nên tập hợp các tổng kết những bước quan trọng sau đây trong quá trình lập kế hoạch:

Phân tích quyền lực và môi trường thuận lợi
Tầm nhìn và các mục tiêu cụ thể đối với thay đổi
Phân tích chính sách bao gồm cơ hội và điểm tiếp cận VĐCS
Phân tích các bên liên quan và cách phát triển sáng kiến VĐCS
Thông điệp cốt lõi và đặc thù
Các giai đoạn chính trong kế hoạch, bao gồm kế hoạch/ khung thời gian các hoạt động ngắn hạn và trung hạn nằm trong các hoạt động chính

3.7.

Bước 7: Giám sát và đánh giá VĐCS

Lập kế hoạch tốt, giám sát, đánh giá và đánh giá tác động là rất cần thiết đối với VĐCS, đối với trách nhiệm giải trình và bảo đảm rút kinh nghiệm để cải tiến hoạt động VĐCS trong tương lai. Tuy nhiên, VĐCS không đơn giản và nó nhằm mục đích tác động đến môi trường xã hội và chính trị phức tạp. Giám sát tác động thường xuyên đặc biệt quan trọng trong vận động vì nó giúp TCXH tìm ra bằng chứng về sự tiến trình thay đổi, đánh giá tiến bộ thay đổi và kiểm chứng giả định của bạn về diễn biến thay đổi trong bối cảnh cụ thể.

Không có cách nào đo lường tiến độ và tác động VĐCS. Các tổ chức, liên minh và mạng lưới đã phát triển và ứng dụng nhiều phương pháp khác nhau. Nói chung, nếu quá trình hoạch định của bạn chuẩn và đã đủ các bước chính - đặc biệt là thiết lập các mục tiêu đối với thay đổi - sẽ dễ dàng để theo dõi sự tiến bộ trong suốt tiến trình.

Quan trọng là phải đánh giá được cả quá trình và tác động của VĐCS. Giám sát quá trình giám sát sẽ cho phép bạn nắm được định kỳ liệu:

Phương pháp tiếp cận và chiến thuật của tổ chức có ổn không?
Đủ số lượng đối tượng mục tiêu và các thông điệp đến được với họ
TCXH đang sử dụng các kênh phù hợp nhất để chuyển tải thông điệp
TCXH đang cộng tác với các đồng minh và các đối tác phù hợp

PHỤ LỤC

MINH HOẠ CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH CHO MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO TCXH

PHẦN 1 - TỔNG QUAN

1. Nhóm VĐCS/ Tổ chức VĐCS

Điều phối:

Nhóm nòng cốt: những người bám sát hoạch định/đưa ra chiến lược

Vệ tinh: những người hoạt động trong vai trò đối tác tham chiếu/tham gia không thường xuyên

2. Tầm nhìn của sự thay đổi

Tổng thể mục tiêu bạn muốn đạt được như là kết quả dự án VĐCS vì môi trường thuận lợi trong bối cảnh thực tế?

3. Mục tiêu của thay đổi

Mục tiêu cụ thể và đo lường được bạn muốn thực hiện là gì? và chúng sẽ giúp bạn đạt được mục đích chính?

4. BỐI CẢNH - môi trường thuận lợi và phân tích chính trị

Điều này giúp ứng dụng chiến lược vận động vào bối cảnh thực tế. Nó dựa trên tình hình thực tế và các phân tích chính trị để vạch ra các vấn đề chính và phác thảo các.

5. Điểm tiếp cận và cơ hội

Tiếp theo phần trên và các phân tích chính trị và quyền lực, bạn có thể tham khảo về điểm tiếp cận và các cơ hội để xây dựng thông điệp cốt lõi và tác động thay đổi chính sách trực tiếp (các giai đoạn quan trọng trong các quá trình xây dựng chính sách liên quan, các hội nghị và cuộc học quốc gia hoặc quốc tế sắp tới, ngày kỷ niệm quan trọng,...); tham khảo về đối tượng mục tiêu là những người quyết sách và cách thức tiếp cận họ (chiến thuật).

	KHI NÀO?	MỤC TIÊU CHÍNH?	Chiến thuật gây ảnh hưởng
Cơ hội tiếp cận	Có thể tham chiếu một ngày cụ thể, ví dụ đối với một sự kiện như hội nghị hoặc khoảng thời gian xây dựng chính sách chẳng hạn.		

7. Những thông điệp chính

Trước hết phác thảo ngắn gọn các thông điệp chính. Sau đó sử dụng ma trận để phác thảo các thông điệp chính dành cho đối tượng quan trọng (ví dụ như các chính trị gia, chuyên gia kỹ thuật, đồng minh và đối tác, công chúng). Bạn cũng nên cân nhắc hình thức và kênh truyền tải phù hợp nhất với từng đối tượng.

ĐỐI TƯỢNG NHẬN THÔNG ĐIỆP	Các thông điệp chính Hãy diễn đạt trong số thông điệp thành 4 phần để xây dựng khung thông điệp: - Vấn đề là gì? - Tại sao nó quan trọng? - Kêu gọi hành động gì? - Bạn sẽ làm gì?	MỤC TIÊU CHÍNH? <i>(đối tượng nhận thông điệp phần lớn tin tưởng nguồn thông điệp ví dụ chỉ nhánh truyền thông cụ thể hoặc cơ quan chuyên môn về dinh dưỡng)</i>	Hình thức truyền tải <i>(có nhiều khả năng tiếp cận đối tượng mục tiêu nhất của bạn: khán giả ví dụ báo cáo; điểm tin chính sách, giao tiếp Một-đối-Một, họp báo chuyên gia, truyền hình; phim tài liệu)</i>

8. Phân tích rủi ro

Liệt kê các rủi ro chính (thách thức hoặc trở ngại) ngăn cản chiến lược VĐCS thành công (ví dụ như nguy cơ, trở ngại - cả bên trong và bên ngoài), xác định khả năng xảy ra của từng tình huống tiêu cực và các bước để hạn chế rủi ro.

RỦI RO	TÁC ĐỘNG <i>(Cao - Trung bình - Thấp)</i>	TÍNH KHẢ THI <i>(Cao - Trung bình - Thấp)</i>	CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ RỦI RO

9. Kế hoạch VĐCS (trong khoảng thời gian 12 đến 18 tháng)

Trước hết phác thảo ngắn gọn các thông điệp chính. Sau đó sử dụng ma trận để phác thảo các thông điệp chính dành cho đối tượng quan trọng (ví dụ như các chính trị gia, chuyên gia kỹ thuật, đồng minh và đối tác, công chúng). Bạn cũng nên cân nhắc hình thức và kênh truyền tải phù hợp nhất với từng đối tượng.

MỤC TIÊU	CỘT MỐC <i>(các bước quan trọng từ thời điểm bắt đầu cho đến khi đạt được mục tiêu) hành động? Bạn sẽ làm gì?</i>	HOẠT ĐỘNG	ĐỐI TÁC TIỀM NĂNG	RỦI RO, THÁCH THỨC VÀ RẢO CẢN	THỜI GIAN/ THỜI ĐIỂM QUAN TRỌNG
Mục tiêu 1					
Mục tiêu 2					
...					

PHỤ LỤC

MINH HOẠ CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH CHO MÔI TRƯỜNG PHÁT TRIỂN THUẬN LỢI CHO TCXH

PHẦN 2 - THÔNG TIN TRỢ GIÚP

Phần này của chiến lược bổ sung thông tin cần thiết để áp dụng sáng kiến VĐCS vào bối cảnh thực tế. Sau khi hoàn thành mẫu này, phải cân trọng hạn chế nội dung cho các mục tiêu quan trọng nhất hoặc cơ hội/cách tiếp cận có thể tạo thay đổi.

1. Phân tích đối tượng mục tiêu

Sử dụng bảng dưới đây, xác định 1 - 3 đối tượng có tầm ảnh hưởng cho mỗi đối tượng mục tiêu, gắn thái độ của họ với vấn đề, tầm ảnh hưởng của họ, mức độ quan trọng của vấn đề đối với họ và phác thảo ngắn gọn thay đổi bạn muốn trong kiến thức, hành vi của họ, và hành động bạn mong muốn họ thực hiện.

NGƯỜI QUYẾT SÁCH & NGƯỜI CÓ TẦM ẢNH HƯỞNG	THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ <i>(họ sẽ ủng hộ, phản đối và thăm dò ở mức độ nào?)</i>	QUYỀN LỰC ĐỂ TẠO SỰ THAY ĐỔI <i>(Mạnh/ Trung bình/ Yếu)</i>	MỨC ĐỘ QUAN TRỌNG CỦA VẤN ĐỀ ĐỐI VỚI HỌ <i>(Mạnh/ Trung bình/ Yếu)</i>	CHÚNG TA MUỐN HỌ THAY ĐỔI THẾ NÀO TRONG HÀNH VI VÀ HÀNH ĐỘNG? <i>Mục này cần được phân loại: thay đổi ta hy vọng thấy; thay đổi ta muốn thấy; thay đổi ta rất muốn thấy</i>
Mục tiêu 1				
Người có tầm ảnh hưởng				
...				

2. Đồng minh và Đối tác

Xác định 3-5 cá nhân quan trọng nhất, TCXH hoặc liên minh hướng đến liên kết với bạn trong hoạt động VĐCS	Mức độ tác động Cao/ Trung bình/ Thấp)	Vị thế đối với vấn đề <i>Xác định vị thế của liên minh/đối tác đối với vấn đề vận động - có cùng vị thế như tổ chức của bạn/ nếu khác thì như thế nào?</i>	Chiến thuật hợp tác <i>(Xác định cách thức liên kết thành công với các đối tác)</i>
1			
2			
3			
...			

3. Cơ sở bằng chứng

Quan trọng là phải phác thảo được các dẫn chứng/nghiên cứu TCXH cần để tạo được chủ đề mạnh mẽ tác động lên đối tượng mục tiêu. Và cũng quan trọng không kém là phải kết nối bước này với các mục tiêu của thay đổi nhằm các định dẫn chứng/nghiên cứu cần thiết hỗ trợ chiến dịch VĐCS. Nhận diện dẫn chứng/nghiên cứu sẵn có và chưa có để thu thập trong khuôn khổ chiến lược (ví dụ khoảng cách giữa kiến thức và bằng chứng) và quỹ thời gian người ta sẽ yêu cầu bằng chứng đó.

	MỤC TIÊU	DẪN CHỨNG ĐÃ CÓ	DẪN CHỨNG CẦN CÓ
1			
2			
...			

4. Khung giám sát và đánh giá

MỤC TIÊU VÀ HOẠT ĐỘNG	CHỈ SỐ QUY TRÌNH <i>Bao gồm các chỉ số SMART dùng để theo dõi tiến triển mà phản ánh trực tiếp các cột mốc và hoạt động bạn đã xác định trong kế hoạch VĐCS (ví dụ: thành lập thành công X lực lượng công tác/ thành lập liên minh chuyên về vấn đề X/ hội thảo với đối tượng mục tiêu thành công trong việc nâng cao mối quan tâm về vấn đề X/ các bài báo trên phương tiện truyền thông/chuyển vấn đề lên quốc hội /báo cáo của chính phủ về vấn đề X và các vấn đề liên quan khác).</i>	CHỈ SỐ TÁC ĐỘNG <i>Bằng chứng về các thay đổi tích cực (trong chính sách và thực tiễn) hướng tới đạt được các mục tiêu (ví dụ: kết quả của hoạt động VĐCS là chính sách X được rà soát lại/Nguồn lực chính phủ phân bổ cho khối TCXH tăng X%).</i>
Mục tiêu X		
Các hoạt động		
Mục tiêu XX		
Các hoạt động		
...		


DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Costanza de Toma, ***Bộ công cụ Vận động chính sách - Hướng dẫn vận động chính sách cho môi trường phát triển thuận lợi hơn trong bối cảnh của bạn***, Diễn đàn mở cho hiệu quả phát triển của các tổ chức xã hội dân sự, 2011;
2. Nguyễn Phương Linh, ***Cẩm nang vận động chính sách cho các tổ chức xã hội***, Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD), 2012;
3. Nguyễn Phương Linh và Nguyễn Ngọc Lâm, ***Cẩm nang tư vấn phản biện và đóng góp xây dựng chính sách cho các tổ chức xã hội***, Nhà xuất bản Chính trị - quốc gia, Sự thật, 2011;
4. ***Báo cáo khảo sát khả năng tự phát triển của các tổ chức xã hội***, Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD), 2015;
5. <http://www.powercub.net>



Trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD)

 P. 501, Số 22, Ngõ 42, Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

 (84-24)-6276 9056

 contact@msdvietnam.org

 msdvietnam.org

 <https://www.facebook.com/www.msdvietnam.org/>

